Ngày soạn:

**BÀI 8: HAI TAY XÂY DỰNG MỘT SƠN HÀ**

**TÁC GIẢ HỒ CHÍ MINH VÀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**Văn bản 1. TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP - Hồ Chí Mính**

*Thời gian thực hiện: 3.5 tiết*

***Giáo viên soạn: Quang Trung, trường THPT Võ Văn Kiệt, tỉnh Bạc Liêu***

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1. Về kiến thức:**

– Kiến thức về tác giả Hồ Chí Minh: vài nét về tiểu sử, quan điểm sáng tác văn học, di sản văn học, phong cách nghệ thuật.

– Cách vận dụng kiến thức về tác giả Hồ Chí Minh vào đọc các tác phẩm của Người.

– Kiến thức về thao tác nghị luận, ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận.

– Cách vận dụng kiến thức về thao tác nghị luận, ngôn ngữ biểu cảm để đọc VB.

**2. Về năng lực:**

– Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêubiểu, độc đáo trong một VB nghị luận; chỉ ra mối liên hệ của chúng.

– Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận trong VB để đạt được mục đích.

– Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong VB nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này; nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong VB nghị luận.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện qua việc thảo luận nhóm.

– Năng lực tự chủ và tự học thể hiện qua việc thực hiện các nhiệm vụ HT được giao, phân chuẩn bị bài ở nhà.

**3. Về phẩm chất:**

Biết trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; phát huy trách nhiệm của công dân trẻ với cộng đồng.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**Tiết ….**

**- VĂN BẢN 1: TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP**

*Thời gian thực hiện: ...... tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

– Kiến thức về tác giả Hồ Chí Minh: vài nét về tiểu sử, quan điểm sáng tác văn học, di sản văn học, phong cách nghệ thuật.

– Cách vận dụng kiến thức về tác giả Hồ Chí Minh vào đọc các tác phẩm của Người.

– Kiến thức về thao tác nghị luận, ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận.

**2. Về năng lực:**

– Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người.

– Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong một VB nghị luận; chỉ ra mối liên hệ của chúng.

– Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận trong VB để đạt được mục đích.

– Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong VB nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này; nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong VB nghị luận.

**3. Về phẩm chất**:

Biết trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; phát huy trách nhiệm của công dân trẻ với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

– Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

– SGK, SGV.

– Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm và mẫu PHT.

**2. Học liệu:**

- Sách giáo khoa

- Sách tham khảo giáo viên

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
| **12A** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **12C** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

- Nhận ra chủ điểm bài học và bước đầu nêu suy nghĩ về chủ điểm bài học.

**b. Nội dung:**

Câu trả lời của HS về chủ điểm bài học và suy nghĩ của HS về chủ điểm.

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS về chủ điểm bài học và suy nghĩ của HS về chủ điểm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *\* Giao nhiệm vụ HT:* Học sinh đọc hai dòng thơ sau: và trả lời câu hỏi:  *Vần thơ của Bác, vần thơ thép Mà vẫn mênh mông bát ngát tình*  (Hoàng Trung Thông)  *Hai câu thơ trên gợi cho em suy nghĩ gì về đặc điểm thơ ca của Bác Hồ (nói riêng) và phong cách sáng tác của Hồ Chí Minh (nói chung)?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS suy nghĩ tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày câu trả lời. Các HS khác bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV tổng kết các ý kiến của HS:  Hai câu thơ của Hoàng Trung Thông thấy được trong tập thơ “*Nhật kí trong tù”* của Bác luôn có sự hài hòa chất thép và chất tình.  Giáo viên: dẫn dắt vào bài học và giới thiệu chủ điểm “Hai tay xây dựng một sơn hà”. | - Chất thép  - Chất tình.  **-> Thể hiện rõ trong tập thơ “Nhật kí trong tù”** |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

1. **Mục tiêu:**

- Hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người.

- Chỉ ra được sự thống nhất giữa sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh, sự chi phối của quan niệm sáng tác đến các tác phẩm Người viết ra. Lí giải được tính đa dạng của di sản văn học Hồ Chí Minh, những điểm nổi bật trong phong cách nghệ thuật của Người.

1. **Nội dung:**

- Hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh

- Quan niệm sáng tác, di sản văn học

- Phong cách sáng tác

1. **Sản phẩm: Kết quả thảo luận nhóm của HS**
2. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ:  - GV cho HS thảo luận nhóm (4 nhóm) thiết kế một infographic và yêu cầu đại diện các nhóm lên bảng trình bày:  + **Nhiệm vụ 1** (nhóm 1 (4 – 6 thành viên): Đọc phần *Tri thức Ngữ văn* và thiết kế một infographic giới thiệu về tiểu sử tác giả Hồ Chí Minh, trong đó sử dụng sơ đồ dòng thời gian (timeline) để thể hiện các mốc thời gian quan trọng trong cuộc đời của Người.  *+* ***Nhiệm vụ 2*** *(nhóm 1 (4 – 6 thành viên):* HS đọc phần *Tri thức Ngữ văn*, giới thiệu quan điểm sáng tác của tác giả Hồ Chí Minh, sưu tầm thêm ví dụ để làm sáng tỏ quan điểm sáng tác này (1 ví dụ/ 1 quan điểm s*áng tác).*  *+* ***Nhiệm vụ 3*** *(nhóm 1 (4 – 6 thành viên):* HS đọc phần *Tri thức Ngữ văn*, giới thiệu di sản văn học của tác giả Hồ Chí Minh theo bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thể loại** | **Tác phẩm tiêu biểu** | **Đóng góp/ Giá trị** | | Văn chính luận | … | … | | Truyện và kí | … | … | | Thơ ca | … | … |   *+* ***Nhiệm vụ 4*** *(nhóm 1 (4 – 6 thành viên): HS* Đọc phần *Tri thức Ngữ văn* giới thiệu phong cách sáng tác của tác giả Hồ Chí Minh.  *\** Giao nhiệm vụ HT:HS đọc *Tri thức Ngữ văn*, đánh dấu những ý chính, từ khoá và trả lời các câu hỏi sau:  – *Thao tác nghị luận là gì?*  – *Có những loại thao tác nghị luận nào? Đặc điểm của từng loại thao tác nghị luận là gì?*  – *Ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận là gì?*  – *Trong quá trình đọc hiểu VB nghị luận, việc nhận ra và phân tích cách tác giả sử dụng thao tác nghị luận và ngôn ngữ biểu cảm có tác dụng gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  ***\* Giáo viên giao nhiệm vụ HT:***5 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ như đã phân công ở trên:  **– Nhiệm vụ 1 (Nhóm 1):** Đọc phần *Tri thức Ngữ văn* và thiết kế một infographic giới thiệu về tiểu sử tác giả Hồ Chí Minh, trong đó sử dụng sơ đồ dòng thời gian (timeline) để thể hiện các mốc thời gian quan trọng trong cuộc đời của Người.  **– Nhiệm vụ 2 (Nhóm 2)**: Đọc phần *Tri thức Ngữ văn*, giới thiệu quan điểm sáng tác của tác giả Hồ Chí Minh, sưu tầm thêm ví dụ để làm sáng tỏ quan điểm sáng tác này (1 ví dụ/ 1 quan điểm sáng tác).  **– Nhiệm vụ 3 (Nhóm 3):** Đọc phần *Tri thức Ngữ văn*, giới thiệu di sản văn học của tác giả Hồ Chí Minh theo bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thể loại** | **Tác phẩm tiêu biểu** | **Đóng góp/ Giá trị** | | Văn chính luận | … | … | | Truyện và kí | … | … | | Thơ ca | … | … |   **– Nhiệm vụ 4 (Nhóm 4):** Đọc phần *Tri thức Ngữ văn* giới thiệu phong cách sáng tác của tác giả Hồ Chí Minh dựa vào sơ đồ sau:    **- Nhiệm vụ 5 (Nhóm 5):** Hoạt động tìm hiểu các thao tác nghị luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  –GV kết luận, nhận định về tiểu sử, quan điểm sáng tác, di sản văn học, phong cách sáng tác của tác giả Hồ Chí Minh dựa vào SGK.  – GV kết luận, nhận định về cách HS thực hiện kĩ năng thảo luận và trình bày sản phẩm thảo luận nhóm. Riêng về phần các thao tác nghị luận, GV lưu ý thêm HS về cách phân biệt các thao tác nghị luận như sau:  **– Cách nhận biết thao tác phân tích:** Phân tích về bản chất là chia nhỏ đối tượng ra nhiều khía cạnh để xem xét, soi chiếu đặc điểm từng phần, sau đó khái quát đặc điểm chung của đối tượng. Thao tác phân tích thường thể hiện xuyên suốt toàn bộ VB với dấu hiệu nhận biết là cách trình bày, lập luận từng khía cạnh của vấn đề (chẳng hạn: về mặt chủ quan – về mặt khách quan; thời xưa – thời nay; trong nước – ngoài nước;…).  Trong trường hợp VB là một đoạn trích, không thấy rõ vấn đề được chia làm nhiều khía cạnh, thì dấu hiệu nhận biết thao tác phân tích là việc đi sâu vào lí giải, bàn luận để làm sáng tỏ một khía cạnh nào đó của vấn đề.  **– Phân biệt thao tác giải thích, chứng minh, phân tích:** Về bản chất, thao tác giải thích là cung cấp định nghĩa về những từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong VB nghị luận, nhằm mục đích thống nhất cách hiểu về những từ ngữ, thuật ngữ này để tránh tranh luận lạc đề. Cần phân biệt thao tác giải thích (cung cấp định nghĩa về từ ngữ, thuật ngữ) với thao tác chứng minh (cung cấp bằng chứng làm sáng tỏ vấn đề) và thao tác phân tích (chia nhỏ đối tượng để xem xét, soi chiếu từng khía cạnh, sau đó nêu nhận định, kết luận khái quát về đối tượng).  **– Phân biệt thao tác bác bỏ và thao tác bình luận:** Bác bỏ là chỉ ra, phân tích sự sai lầm trong luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của người khác. Dấu hiệu nhận biết của thao tác bác bỏ là những lí lẽ, bằng chứng người viết đưa ra để làm sáng tỏ tính sai lầm của lập luận cần bác bỏ. Nếu không có lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ tính sai lầm mà chỉ đơn giản là nhận định cho rằng quan điểm sai, thì đó không phải là thao tác bác bỏ mà là thao tác bình luận. | **I. Khám phá Tri thức ngữ văn**  **1. Vài nét về tiểu sử**  - Sinh ngày 19/5/1890 trong gia đình nhà Nho nghèo yêu nước.  - Năm 1910 dạy học tại Huế  - Ra đi tìm đường cứu nước 1918  - Năm 1919 tại Hội nghị hoà bình họp ở Véc-xây bản yêu sách Quyền các dan tộc.  - Từ 1923-1941 chủ yếu hoạt động ở Liên Xô.  - Đầu 1941 người về nước thành lập mật trận Việt Minh.  - Tháng 8 năm 1942 trong chuyến đi sang Trung Quốc bị giam cầm 14 tháng. Ra tù về nước tiếp tục lãnh đạo cách mạng.  - Ngày 2 tháng 9 năm 1945 đọc bản tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình.  **2. Quan điểm sáng tác văn học**  - Người coi văn học là một vũ khí chiến đấu phục vụ cho sự nghiệp cách mạng.  - Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thực và tính dân tộc của văn học.  - Người luôn chú ý đến mục đích và đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm.  **3. Di sản văn học**  **a. Văn chính luận**  **- Mục đích:** đấu tranh chính trị, tấn công trực diện kẻ thù, thực hiện nhiệm vụ cách mạng của dân tộc.  **- Nội dung:** lên án thực dân Pháp, kêu gọi người nô lệ liên hiệp lại.  **-** Tác phẩm tiêu biểu: *Bản án chế độ thực dân Pháp, Tuyên ngôn Độc lập, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến...*  **b. Truyện và kí**  Hầu hết viết bằng tiếng Pháp, xuất bản tại Paris (1922 - 1925): *Pari* (1922), *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* (1922), *Con người biết mùi hun khói* (1922), *Vi hành* (1923), *Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu* (1925)...  **c. Thơ ca**  - Có giá trị nổi bật trong sự nghiệp sáng tác của Hồ Chí Minh.  - Tác phẩm: *Nhật kí trong tù, Thơ Hồ Chí Minh, Thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh*  **4. Phong cách nghệ thuật**  a. Tính phong phú, đa dạng  **- Văn chính luận:** Ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, giàu tính luận chiến, đa dạng bút pháp.  **- Truyện và kí:** Giàu tính chiến đấu, đậm chất trí tuệ, nghệ thuật trào phúng sắc bén và rất hiện đại.  - **Thơ ca:** Thơ tuyên truyền: giản dị, mộc mạc, mang màu sắc dân gian hiện đại.Thơ nghệ thuật: cổ điển mà hiện đại  **b. Tính thống nhất**  Văn thơ Hồ Chí Minh là di sản vô giá, là một bộ phận gắn bó hữu cơ với sự nghiệp cách mạng của Người.  5. Kết Luận  *- Thao tác nghị luận.*  *-* Những loại thao tác nghị luận.  - Ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận |

**Nội dung 2:**

**ĐỌC VĂN BẢN 1:**  **TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP**

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:**

Kích hoạt kiến thức nền về thao tác nghị luận, ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận (đã học ở tiết trước).

**b. Nội dung:** Khởi động

**c. Sản phẩm:** Phần tham gia trò chơi của HS.

**d Giao nhiệm vụ HT:**GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”: Chia lớp thành các đội để trả lời câu hỏi. Đội nào có câu trả lời nhanh nhất và chính xác nhất sẽ giành chiến thắng.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi 1:** Nối thao tác nghị luận (cột A) với định nghĩa (cột B) tương ứng:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **A** |  | **B** | | 1. Chứng minh |  | a. Đặt hai đối tượng trong mối tương quan để nhận ra điểm tương đồng, khác biệt. | | 2. Giải thích |  | b. Trình bày các bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm. | | 3. Bình luận |  | c. Nêu định nghĩa cho các khái niệm được sử dụng trong VB, nhằm thống nhất cách hiểu về khái niệm giữa người viết và người đọc. | | 4. So sánh |  | d. Chia nhỏ đối tượng cần bàn để xem xét đặc điểm của từng phần, từng bộ phận, sau đó khái quát đặc điểm chung của đối tượng. | | 5. Phân tích |  | e. Thể hiện ý kiến, quan điểm khen, chê, đồng tình hay phản đối của người viết đối với vấn đề nghị luận. | | 6. Bác bỏ |  | f. Chỉ ra và phân tích sự sai lầm trong các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng mà người khác đưa ra. |   **Câu hỏi 2:** Điền từ thích hợp vào chỗ trống:  *Ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận* thể hiện qua cách \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ để thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết, từ đó khơi gợi sự đồng cảm nơi người đọc.  Việc nhận ra và phân tích cách tác giả sử dụng, kết hợp các thao tác nghị luận, ngôn ngữ biểu cảm sẽ giúp bạn lí giải được \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ của VB nghị luận, từ đó có cơ sở để hiểu sâu sắc hơn \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ của VB. |

*\* Thực hiện nhiệm vụ HT:* Các nhóm HS tham gia trò chơi, trả lời hai câu hỏi.

*\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời.

*\* Kết luận, nhận định:*GV kết luận, nhận định về đáp án hai câu hỏi của trò chơi:

**Câu 1:** 1b – 2c – 3e – 4a – 5d – 6f

**Câu 2:** Lựa chọn và sử dụng từ ngữ, kiểu câu khẳng định, câu phủ định, các biện pháp tu từ,… – sức thuyết phục, tác động – nội dung.

GV trao thưởng cho đội chơi thắng cuộc, dẫn dắt vào phần đọc VB *Tuyên ngôn Độc lập.*

**đ. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  ***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền về bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội liên quan đến sự ra đời của VB *Tuyên ngôn Độc lập.*  ***b. Sản phẩm:*** Phần trình bày sản phẩm sưu tầm của HS, kết quả đọc và ghi chú khung thông tin về hoàn cảnh ra đời *Tuyên ngôn Độc lập*.  ***c. Tổ chức thực hiện:***  *\* Giao nhiệm vụ HT:*   1. Nhóm nhỏ: Hoàn thiện sản phẩm sưu tầm những tư liệu về sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* (đã thực hiện ở nhà), chuẩn bị chia sẻ trước lớp.   (2) Cá nhân: Đọc khung thông tin về hoàn cảnh ra đời *Tuyên ngôn Độc lập* (SGK/ tr. 64) và ghi chú ngắn gọn những từ khoá, thông tin quan trọng.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:* HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) 🡪 (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:*  (1) Đại diện nhóm trình bày sản phẩm sưu tầm. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  (2) HS trao đổi phần ghi chú với bạn cùng bàn, nhận xét, chỉnh sửa và bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*  (1) GV nhận xét về phần trình bày sản phẩm của HS dựa vào các tiêu chí sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Nội dung kiểm tra | | Đạt | Chưa đạt | | Phần sưu tầm tư liệu | Tư liệu phù hợp với đề tài: Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* |  |  | | Tư liệu đa dạng về hình thức |  |  | | Tư liệu rõ ràng, dễ theo dõi |  |  | | Phần trình bày | Nêu được những thông tin cơ bản của tư liệu |  |  | | Cách trình bày rõ ràng, mạch lạc |  |  | | Biết kết hợp nội dung trình bày với các tư liệu sưu tầm một cách hiệu quả |  |  |   (2) GV nhấn mạnh những thông tin về hoàn cảnh sáng tác của VB *Tuyên ngôn Độc lập*: Bối cảnh thế giới, hoàn cảnh ra đời trực tiếp, tình hình các thế lực thù địch âm mưu phá hoại thành quả cách mạng 🡪 Đây là những bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội liên quan trực tiếp đến việc đọc hiểu nội dung của VB *Tuyên ngôn Độc lập*.  *\* Giao nhiệm vụ HT:*  *B1. Học sinh trình bày sự hiểu biết bản thân về tác giả (thảo luận hóm đôi)*  1. Tác giả  2. Văn bản  - Thể loại ?  - Hoàn cảnh ra đời ?  - Mục đích của bản Tuyên ngôn  - Ý nghĩa của bản Tuyên ngôn  B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thảo luận nhóm *(thảo luận hóm đôi)*  B3. Báo cáo thảo luận: Đại diện trình bày sản phẩm  B4. Đánh giá kết quả thực hiện:  **- Hoàn cảnh ra đời:**  Ngày 02/ 9/ 1945, Bác đọc bản TNĐL tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội.  **- Mục đích của bản Tuyên ngôn:**  + Tuyên bố nền độc lập của dân tộc VN, khai sinh ra nước VNDCCH.  + Tranh thủ sự đồng tình của nhân dân TG đới với sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân VN.  **- Ý nghĩa của bản Tuyên ngôn**  **a. Về mặt lịch sử**  - Tuyên bố chấm dứt chế độ thực dân, phong kiến ở nước ta  - Khẳng định quyền tự chủ và vị thế bình đẳng của dân tộc  - Mở ra một kỉ nguyên mới cho đất nước: độc lập - tự do   * **Văn kiện lịch sử vô giá**   **b. Về mặt văn học**  - Lập luận chặt chẽ  - Lí lẽ sắc bén  - Bằng chứng xác thực  - Ngôn ngữ hùng hồn, cảm xúc  **Áng văn chính luận mẫu mực**  ***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kĩ năng đọc để đọc hiểu nội dung VB.  ***b. Sản phẩm:*** Kết quả đọc của HS, phần trả lời câu hỏi trong khi đọc.  ***c. Tổ chức thực hiện:***  *\* Giao nhiệm vụ HT:* HS đọc VB *Tuyên ngôn Độc lập* (SGK/ tr. 65 – 68), trả lời các câu hỏi trong khi đọc theo mẫu bên dưới:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Hướng dẫn thực hiện kĩ năng** | **Trả lời ngắn** | | **Câu 1** ***(Theo dõi):*** Chú ý những trích dẫn trong phần này. | Đọc quét đoạn VB, chú ý vào những trích dẫn và ghi lại nguồn trích dẫn vào ô kế bên. |  | | **Câu 2** ***(Liên hệ):*** Ghi lại những cảm xúc của bạn khi đọc đoạn “Thế mà ... vô cùng tàn nhẫn”. | Đọc đoạn VB, ghi lại ngắn gọn cảm xúc của bản thân và một vài từ ngữ, hình ảnh gợi ra cảm xúc ấy. |  | | **Câu 3** ***(Suy luận):*** Tác giả nhắc đến nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở hội nghị Tê-hê-răng và Cựu Kim Sơn nhằm mục đích gì? | Suy luận dựa vào: (1) Những thông tin đã biết về hoàn cảnh ra đời của VB *Tuyên ngôn Độc lập*, cước chú về Hội nghị Tê-hê-răng; (2) Nội dung được trình bày trong đoạn VB. |  | | **Câu 4 *(Theo dõi):*** Chú ý đến nghệ thuật phủ định, khẳng định trong đoạn “Mùa thu năm 1940 ... độc lập ấy”. | Đọc lại đoạn VB, ghi lại một số câu văn cho thấy nghệ thuật khẳng định, phủ định. |  |   *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*Cá nhân HS đọc thầm VB, trả lời các câu hỏi trong khi đọc.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS trình bày kết quả đọc, nêu cách thực hiện các kĩ năng đọc.  *\* Kết luận, nhận định:* GV kết luận, nhận định về cách HS thực hiện kĩ năng đọc, dùng kĩ thuật nói to suy nghĩ để làm mẫu những kĩ năng đọc mà HS chưa biết cách thực hiện (nếu cần). | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **2. Văn bản**  **- Thể loại :** Văn nghị luận  **- Hoàn cảnh ra đời**  Ngày 02/ 9/ 1945, Bác đọc bản TNĐL tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội.  **- Mục đích của bản Tuyên ngôn.**  **- Ý nghĩa của bản Tuyên ngôn**  **a. Về mặt lịch sử**  Tuyên bố chấm dứt chế độ thực dân. Khẳng định quyền tự chủ và vị thế bình đẳng của dân tộc  **b. Về mặt văn học:** Áng văn chính luận mẫu mực.  .  **3. Đọc văn bản**  **Câu 1 *(Theo dõi):***  - Trích dẫn bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Mĩ: *Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng.... quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*.  - Trích dẫn bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền* của Pháp: *Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi*.  **Câu 2 *(Liên hệ):***  Cảm xúc: sự căm phẫn, phẫn nộ, từ đó, gợi lên ý chí mãnh liệt, tinh thần sôi sục, quyết tâm về việc đứng lên đấu tranh, giành lại tự do, giành lại hòa bình độc lập.  **Câu 3** ***(Suy luận):***  Mục đích:  - Tạo cơ sở chính trị, pháp lý cơ bản.  - Qua đó một lần nữa khẳng định về quyền độc lập tự do của dân tộc.  **Câu 4 *(Theo dõi):***  Từ mùa thu 1940 đến 9/3/1945, thực dân Pháp đã bán nước ta hai lần cho Nhật (khi thì quỳ gối đầu hàng khi thì bỏ chạy), vì vậy không còn bất kỳ quyền lợi cai trị nào ở nước ta. |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền về bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội liên quan đến sự ra đời của VB *Tuyên ngôn Độc lập.*

**b. Nội dung:** Xác định bố cục và mạch lập luận của VB *Tuyên ngôn Độc lập.*

**c. Sản phẩm:** Kết quả đọc, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  ***\* Giao nhiệm vụ HT:***  – Nhóm 2 HS đọc VB, trả lời câu hỏi 1 (SGK/ tr. 68): *Xác định bố cục của VB. Từ đó, vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB*.  – GV gợi ý: Với các VB nghị luận có tính chất pháp lí như VB *Tuyên ngôn Độc lập*, bố cục sẽ gồm các phần cơ sở pháp lí, cơ sở thực tiễn và lời tuyên bố.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Cá nhân HS đọc thầm VB và tìm câu trả lời, sau đó trao đổi với bạn.  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. HS khác nhận xét, bổ sung.   |  |  | | --- | --- | | **Phần văn bản** | **Nội dung chính** | | Phần 1 (từ đầu đến “… không ai chối cãi được.”) | Cơ sở pháp lí | | Phần 2 (từ “Thế mà … phải được độc lập.”) | Cơ sở thực tiễn | | Phần 3 (còn lại) | Lời tuyên ngôn |     **Nhiệm vụ 2:**  ***Hoạt động tìm hiểu các thao tác nghị luận trong phần cơ sở pháp lí***  ***a. Mục tiêu:***  – Phân tích được đặc sắc trong nghệ thuật lập luận, thể hiện qua việc trích dẫn hai bản *Tuyên ngôn Độc lập* (1776) của nước Mỹ, *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* (1791) của Cách mạng Pháp.  – Phân tích được tác dụng của việc kết hợp các thao tác nghị luận trong phần cơ sở pháp lí.  ***b. Sản phẩm:* Sản phẩm thảo luận nhóm của HS.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ: trả lời câu hỏi số 2/ 68**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  *\* Giao nhiệm vụ HT: nhóm HS (4 – 6 thành viên), lần lượt thực hiện các nhiệm vụ HT sau (tích hợp câu 2, SGK/ tr. 68):*  - Nhóm 1: Tìm hiểu tác dụng của việc trích dẫn *Tuyên ngôn Độc lập* (1776) của nước Mỹ, *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* (1791) của Cách mạng Pháp dựa vào PHT sau:   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1  TÁC DỤNG CỦA VIỆC TRÍCH DẪN HAI BẢN TUYÊN NGÔN**  a. Nội dung của hai bản tuyên ngôn được trích dẫn có điểm gì chung?    b. Việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp có tác dụng gì đối với các đối tượng mà *Tuyên ngôn Độc lập* hướng tới (người dân Việt Nam, nhân dân thế giới, các thế lực thù địch,...)?    c. Từ đó, nhận xét về thủ pháp nghệ thuật được sử dụng để tạo sức thuyết phục cho phần cơ sở pháp lí. |   - Nhóm 2: Tìm hiểu về sự kết hợp các thao tác nghị luận trong phần cơ sở pháp lí dựa vào PHT sau:   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 TÁC DỤNG CỦA THAO TÁC NGHỊ LUẬN  TRONG PHẦN CƠ SỞ PHÁP LÍ**  a. Chỉ ra các thao tác nghị luận được sử dụng trong phần cơ sở pháp lí:  ….……………………………………………………………………  b. Từ đoạn thông tin sau, bạn nhận xét gì về cách Chủ tịch Hồ Chí Minh phát triển cách hiểu từ bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ?  Trong *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ*,* mệnh đề “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng” vốn viết là “all men are created equal”. Trong bối cảnh lịch sử lúc đó, cụm từ “all men” chủ yếu để chỉ người đàn ông da trắng, phụ nữ và người da đen không được xét đến do ảnh hưởng của tư tưởng phân biệt đối xử.    c. Nhận xét về tác dụng của các thao tác nghị luận được sử dụng trong phần cơ sở pháp lí và tác dụng của việc sử dụng kết hợp các thao tác nghị luận này: |   \* Giao nhiệm vụ HT: GV chia lớp thành các nhóm chẵn và các nhóm lẻ (4 – 6 HS/ nhóm). Các nhóm chẵn thực hiện nhiệm vụ HT (1). Các nhóm lẻ thực hiện nhiệm vụ HT (2).  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 NGHỆ THUẬT LẬP LUẬN VÀ NGÔN NGỮ BIỂU CẢM TRONG PHẦN CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA *TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP***  Câu 3 (SGK/ tr. 68)  - Nhóm 3: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu trong phần lời tuyên bố của *Tuyên ngôn Độc lập* dựa vào PHT sau:  a. Cách lập luận để bác bỏ luận điệu “bảo hộ, khai hoá” của thực dân Pháp và quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận điệu của thực dân Pháp** | **Lập luận bác bỏ của tác giả Hồ Chí Minh** | **Nhận xét về cách  lập luận** | | Đông Dương là thuộc địa của Pháp, Pháp có công “bảo hộ” Đông Dương. | … | … | | Nay Nhật đã đầu hàng, Đông Dương nghiễm nhiên thuộc quyền bảo hộ của người Pháp. | … | … |   b.Xác định và phân tích tác dụng một số nét đặc sắc về biện pháp tu từ, từ ngữ, sự kết hợp giữa câu khẳng định, phủ định trong phần này.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nét đặc sắc** | **Một số biểu hiện  trong đoạn VB** | **Tác dụng** | | Từ ngữ, biện pháp tu từ | ... | ... | | Các kiểu câu khẳng định, phủ định | ... | ... |   Câu 4 (SGK/ tr. 68): Phân tích ý nghĩa của lời tuyên bố ở cuối VB. Nhận xét về tác dụng của ngôn ngữ biểu cảm (từ ngữ, kiểu câu khẳng định,…) trong việc thể hiện giọng điệu và nội dung của lời tuyên bố. Gợi ý:   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**  **NGHỆ THUẬT LẬP LUẬN VÀ NGÔN NGỮ BIỂU CẢM TRONG PHẦN LỜI TUYÊN BỐ CỦA *TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP***   1. Ở phần 3 của VB, tác giả đại diện cho ai, và đã tuyên bố điều gì? Để được quốc tế công nhận quyền tự do và độc lập của một dân tộc, cần có điều kiện khách quan và chủ quan gì? Lời tuyên bố ở cuối VB đã đạt được các điều kiện khách quan, chủ quan gì để thế giới công nhận quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam?     b. Phân tích tác dụng của việc sử dụng ngôn ngữ biểu cảm trong lời tuyên bố:  – Chỉ ra một số biểu hiện của ngôn ngữ biểu cảm thể hiện trong phần VB:    – Tác dụng: |   **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện các nhóm trình bày kết quả thực hiện PHT theo trình tự nhiệm vụ (1) 🡪 (2). Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **Nhiệm vụ.....**  GV kết luận, nhận định về kết quả thảo luận của từng nhiệm vụ:   1. PHT số 1: Về tác dụng của việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp:   (2) PHT số 2: Về tác dụng của việc kết hợp các thao tác nghị luận trong phần cơ sở pháp lí:  *\* Giao nhiệm vụ HT:* HS trả lời câu 5 (SGK/ tr. 68).  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ: *HS trả lời câu 5 (SGK/ tr. 68).*** Hoạt động tìm hiểu quan niệm sáng tác của Hồ Chí Minh trong văn bản.  ***a. Mục tiêu:*** Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người.  ***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  ***B3. Báo cáo thảo luận:*** HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  ***B4. Đánh giá kết quả thực hiện:*** GV tóm tắt, nhận xét về câu trả lời của học sinh.  ***\* Giao nhiệm vụ HT*:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Văn bản Tuyên ngôn Độc lập gọi cho bạn suy nghĩ gì về đất nước, con người Việt Nam?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Trình bày cá nhân  ***B3. Báo cáo học sinh:*** HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  ***B4. Đánh giá kết quả thực hiện:*** Giáo viên nhận xét về câu trả lời của học sinh. | **II. Khám phá văn bản**  ***1. Xác định bố cục và mạch lập luận của văn bản Tuyên ngôn Độc lập***  **a. Bố cục**  **- Phần 1** (từ đầu đến “… không ai chối cãi được.”) => Cơ sở pháp lí  **- Phần 2** (từ “Thế mà … phải được độc lập.”) => Cơ sở thực tiễn  **- Phần 3** (còn lại) => Lời tuyên ngôn  **b. Mạch lập luận**  Lập luận chặt chẽ: có luận đề , luận điểm kết hợp với lí lẽ và dẫn chứng rõ ràng.  **2.** **Việc trích dẫn bản Tuyên ngôn Độc lập (1776) của nước Mỹ, Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền (1791) của Cách mạng Pháp trong phần đầu văn bản có tác dụng gì ? Từ đó, bạn có nhận xét gì về cách kết hợp các thao tác nghị luận trong phần này ?**  - Về tác dụng của việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp:  \* **Điểm chung** của hai bản tuyên ngôn: khẳng định quyền sống, quyền tự do.  **\* Tác dụng:**  – Khẳng định nguyên lí chung về quyền độc lập, tự do và hạnh phúc của tất cả mọi người, mọi dân tộc trên thế giới. Đây là cơ sở pháp lí quan trọng làm tiền đề cho những lập luận ở phần sau.  – Đặt ngang hàng ba bản tuyên ngôn, gián tiếp thể hiện niềm tự hào, sự tự tôn của dân tộc.  \* **Sử dụng thủ pháp:** “gậy ông đập lưng ông”, tố cáo thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đang phản bội lại những tuyên ngôn tốt đẹp mà cha ông họ đã lập ra.  **\* Tác dụng** của việc kết hợp các thao tác nghị luận trong phần cơ sở pháp lí:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Thao tác nghị luận** | **Thể hiện trong đoạn mở đầu** | **Tác dụng của thao tác nghị luận** | **Tác dụng của việc kết hợp các thao tác nghị luận** | | Giải thích | Giải thích ý nghĩa *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ: “Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình bằng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. | Mở rộng cách hiểu từ bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ: Chuyển từ quyền con người (giới hạn ở đàn ông da trắng) sang quyền của dân tộc 🡪 Quan điểm có tính chất nhân văn, tiến bộ hơn. | Việc kết hợp các thao tác nghị luận ở đoạn này có tác dụng thực hiện mục đích của phần đầu: Khẳng định cơ sở pháp lí làm nền tảng cho các lập luận và lời tuyên bố 🡪 Đây là điểm tựa vững chắc để các luận điểm sau được phát triển một cách thuyết phục và đa dạng, qua đó làm sáng tỏ luận đề và thực hiện mục đích của toàn VB (khẳng định quyền tự do, độc lập bất khả xâm phạm của nước Việt Nam, tuyên bố để thế giới thừa nhận tính chính danh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà). | | Chứng minh | Trích dẫn nguyên văn hai bản tuyên ngôn của nước Mỹ và Cách mạng Pháp. | Minh chứng cho cơ sở pháp lí về quyền bình đẳng, hạnh phúc của nhân loại; gián tiếp thể hiện niềm tự hào dân tộc và thực hiện thủ pháp “gậy ông đập lưng ông”. | | Bình luận | “Đó là những lí lẽ không ai chối cãi được”. | Khẳng định quan điểm: Quyền tự do, hạnh phúc, bình đẳng của mỗi dân tộc là bất khả xâm phạm 🡪 Cơ sở pháp lí vững chắc. |   3.Đọc lại phần từ “Thế mà hơn 80 năm nay" cho đến "Dân tộc đó phải được độc lập!", đối chiếu với ô thông tin ở đầu văn bản và cho biết:  a. Cách lập luận để bác bỏ luận điệu “bảo hộ, khai hoá” của thực dân Pháp và quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận điệu của thực dân Pháp** | **Lập luận bác bỏ của tác giả Hồ Chí Minh** | **Nhận xét về cách lập luận** | | Đông Dương là thuộc địa của Pháp, Pháp có công “bảo hộ” Đông Dương. | Pháp không có công bảo hộ, mà trái lại, đã gây ra nhiều tội ác “trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”. | – Nêu được tội ác trên nhiều phương diện: về chính trị, về kinh tế – xã hội, soi chiếu cả trên phương diện lương tâm và đạo đức.  – Bằng chứng xác thực.  – Ngôn ngữ, giọng điệu đanh thép, giàu tính biểu cảm (phép điệp, phép liệt kê, cách diễn đạt giàu hình ảnh). | | Nay Nhật đã đầu hàng, Đông Dương nghiễm nhiên thuộc quyền bảo hộ của người Pháp. | – Thực dân Pháp đã “dã man hai lần bán nước ta cho Nhật”.  – Thực dân Pháp không đáp lại lời kêu gọi chống Nhật của Việt Minh, thẳng tay khủng bố Việt Minh, tức là đã phản bội quân Đồng minh, về phe Nhật.  – Dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp, nên không còn là thuộc địa của Pháp nữa.  – Vua Bảo Đại thoái vị, dân ta đã thoát khỏi ách xiềng xích của thực dân, chế độ quân chủ, thành lập Lâm thời Chính phủ mới, nên có quyền tuyên bố cách li và vô hiệu hoá các thoả thuận mà nhà Nguyễn đã kí với Pháp. | – Nêu lí lẽ trên nhiều phương diện, phân tích xác đáng cục diện chính trị đương thời.  – Bằng chứng xác đáng, thuyết phục, với những mốc thời gian, sự kiện cụ thể, xác thực.  – Cách sắp xếp hợp lí, vừa theo trình tự thời gian vừa theo tính chất quan trọng của vấn đề.  – Đã đưa ra được những nguyên tắc dân tộc bình đẳng được Liên hợp quốc công nhận để làm sáng tỏ các lập luận của mình, kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập của dân tộc Việt Nam.  – Ngôn ngữ, giọng điệu đanh thép, hùng hồn. |   b. Một số nét đặc sắc về biện pháp tu từ, từ ngữ, sự kết hợp giữa câu phủ định và khẳng định:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nét đặc sắc** | **Một số biểu hiện  trong đoạn văn bản** | **Tác dụng** | | Từ ngữ, biện pháp tu từ | – Các từ ngữ để gọi thực dân Pháp (“bọn thực dân Pháp”, “chúng”); các từ ngữ để gọi nhân dân Việt Nam (“đồng bào ta”, “nhân dân ta”, “những người yêu nước thương nòi của ta”, “dân ta”, “các nhà tư sản ta”,…).  – Biện pháp tu từ: phép điệp cấu trúc, phép liệt kê, các hình ảnh ẩn dụ (“tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu”),… | Thể hiện sự căm phẫn trước tội ác của thực dân Pháp, nỗi thương xót với người dân Việt Nam khi phải gánh chịu những tội ác ấy; qua đó góp phần tăng tính thuyết phục cho VB bằng cách khơi gợi sự đồng cảm, xót xa, phẫn nộ nơi người đọc. | | Các kiểu câu khẳng định, phủ định. | – Khẳng định tội ác của giặc bằng cách điệp cấu trúc: “Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do, dân chủ nào”,…  – Phủ định luận điệu “nhân đạo, chính nghĩa” của Pháp: Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa. | Kết hợp sự khẳng định và phủ định để bác bỏ luận điệu khai hoá của Pháp, từ đó khẳng định cơ sở thực tế về những tội ác của Pháp, là tiền đề cho việc tuyên bố thoát li mối quan hệ với Pháp ở phần sau. |   ***4. Phân tích ý nghĩa của lời tuyên bố ở cuối văn bản. Nhận xét về tác dụng của ngôn ngữ biểu cảm (từ ngữ, kiểu câu khẳng định,...) trong việc thể hiện giọng điệu và nội dung của lời tuyên bố.***  **a. Ở cuối *Tuyên ngôn Độc lập*, thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố:**  – Những cơ sở pháp lí, thực tiễn vững chắc để thoát li quyền bảo hộ của Pháp, tuyên bố sự sụp đổ của triều đình phong kiến nhà Nguyễn (“Vì những lí lẽ trên”).  – Sự xuất hiện chính danh của một chính phủ đại diện cho nhân dân Việt Nam, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam (“chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà).  – Khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam và quyết tâm bằng mọi giá bảo vệ quyền độc lập, tự do ấy.  Để quốc tế công nhận quyền tự do, độc lập của dân tộc không phải đơn giản.  - **Điều kiện khách quan**: cơ sở pháp lí, thực tiễn vững chắc, không thể chối cãi, phù hợp với công ước quốc tế; chứng minh sự không lệ thuộc vào bất kì thế lực chính trị nào; khẳng định quyền tự quyết về mọi mặt của dân tộc;  - **Điều kiện chủ quan**: toàn dân tộc thực sự có ý chí về quyền độc lập, tự do và có quyết tâm bảo vệ quyền độc lập, tự do đó. Điểm đặc sắc của *Tuyên ngôn Độc lập* đó là lời tuyên bố cuối VB đã khẳng định điều kiện khách quan, điều kiện chủ quan này, tuyên bố trước thế giới quyền độc lập tự do bất khả xâm phạm của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, của nhân dân Việt Nam. GV có thể hướng dẫn HS phân tích thêm để làm rõ ý nghĩa lịch sử này.  **b. Tác dụng của ngôn ngữ biểu cảm trong việc thể hiện giọng điệu và nội dung lời tuyên bố:**  Ngôn ngữ biểu cảm (từ ngữ, kiểu câu khẳng định,...) thể hiện giọng điệu và nội dung của lời tuyên bố trở nên hào hùng, mạnh mẽ, dứt khoát vừa thể hiện được sự quyết tâm và tự hào dân tộc.  **5. Khi viết, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặt ra câu hỏi: "Viết cho ai? Viết để làm gì? Viết cái gì? Viết như thế nào?". Phân tích một số ví dụ trong văn bản Tuyên ngôn Độc lập để cho thấy quan điểm sáng tác này.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Viết cho ai?** | **Viết để làm gì?** | **Viết cái gì?** | **Viết như thế nào?** | | Cộng đồng quốc tế | Thuyết phục cộng đồng quốc tế công nhận quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam, sự chính danh của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. | Luận điểm 1: Cơ sở pháp lí  Luận điểm 2: Cơ sở thực tiễn  Luận điểm 3: Lời tuyên bố | Cách lựa chọn bằng chứng, lí lẽ đa dạng, hợp lí; kết hợp khéo léo các thao tác nghị luận; sử dụng hợp lí ngôn ngữ biểu cảm,… |   Văn bản **“Tuyên ngôn Độc lập”** là một tài liệu quan trọng trong lịch sử Việt Nam, đánh dấu sự **khởi đầu** của cuộc đấu tranh giành độc lập và **tự do** của dân tộc. Nó gợi lên trong tôi những suy nghĩ về **lòng yêu nước, lòng tự hào** về quê hương và **lòng trách nhiệm** của mỗi người dân Việt Nam. Văn bản này đã **khẳng định** quyền tự quyết của dân tộc và tôn vinh nhân quyền, điều mà chúng ta cần luôn gìn giữ và phát triển. |

**2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong một VB nghị luận; chỉ ra mối liên hệ của chúng

- Phân tích và đánh giá nội dung văn bản nghị luận.

**b. Nội dung:** Đánh giá nội dung và nghệ thuật của Tuyên ngôn Độc lập.

**c. Sản phẩm:** Nội dung và nghệ thuật văn bản Tuyên ngôn Độc lập**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Giáo viên giao nhiệm vụ cho Học sinh thực hiện như mục Nội dung và nghệ thuật.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Giáo viên giao nhiệm vụ học sinh rút ra nội dung và nghệ thuật sau khi học xong văn bản.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh trình bày và các bạn khác nhận xét bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên đánh giá lại. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  Với tư duy sâu sắc, cách lập luận chặt chẽ, ngôn ngữ chính xác, dẫn chứng cụ thể, đầy sức thuyết phục, thể hiện rõ phong cách chính luận của Hồ Chí Minh. Văn bản “*Tuyên ngôn Độc lập”* đã khẳng định được quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam.  **2. Nội dung**  Văn bản “*Tuyên ngôn Độc lập”* có giá trị lớn lao về mặt lịch sử, đánh dấu một trong những trang vẻ vang bậc nhất trong lịch sử đấu tranh kiên cường bất khuất giành độc lập tự do từ trước đến nay và là một áng văn bất hủ của nền văn học dân tộc. |

**2.4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong thực tiễn.

**b. Nội dung:** Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về khả năng tác động của văn bản “*Tuyên ngôn Độc lập”* đến Việt Nam nói riêng và quốc tế nói chung.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn (khoảng 200 chữ) của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:** chấm chéo hoặc chữa minh hoạ một số bài.

Ngày soạn:

**BÀI 8: HAI TAY XÂY DỰNG MỘT SƠN HÀ**

**(TÁC GIẢ HỒ CHÍ MINH VÀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN)**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**Tiết 80, 81 - VĂN BẢN 2: NGUYÊN TIÊU (RẰM THÁNG GIÊNG)**

**- Hồ Chí Minh -**

*Thời gian thực hiện: 2 tiết*

**Giáo viên soạn: Nguyễn Thị Diễm, Tây Ninh**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Vận dụng những hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu tác phẩm của Người.

- Cảm nhận được bức tranh thiên nhiên và tâm trạng của con người cách mạng trong đêm trăng.

**2. Về năng lực:**

**- Nhận biết được thể loại thơ.**

**- Phân tích, đánh giá được nội dung, nghệ thuật của bài thơ.**

**3. Về phẩm chất**:

- Phát huy tình yêu dành cho cách mạng, đất nước Việt Nam.

- Tiếp tục kế thừa và phát triển truyền thống xây dựng và bảo vệ tổ quốc ngày càng vững mạnh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

**-Ti vi, bài giảng điện tử, sách giáo khoa, bảng nhóm,…**

**2. Học liệu:**

**- Sách giáo viên, sách bài tập, các tài liệu tham khảo về tác giả, tác phẩm.**

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

**- Hình thành tư duy nhớ về những kiến thức về tác phẩm của Hồ Chí Minh đã được biết hoặc đã được học.**

**b. Nội dung:**

**- Học sinh trình bày những câu thơ/ bài thơ của tác giả Hồ Chí Minh.**

**c. Sản phẩm:**

**- Câu trả lời của học sinh.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Chia sẻ với các bạn trong lớp về những câu thơ/ bài thơ của tác giả Hồ Chí Minh.**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **- Học sinh tư duy, suy nghĩ trả lời trong 3 phút.**  **B3. Báo cáo thảo luận:**  **- Học sinh trình bày câu trả lời.**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả câu trả lời của học sinh.** | **Một số bài thơ gợi ý:**  **- Cảnh khuya**  **- Cảnh rừng Việt Bắc**  **- Cảnh rừng Pác Pó** |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

1. **Mục tiêu:**

**- Hình thành kiến thức về cảnh trăng sáng ở chiến khu Việt Bắc trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp.**

1. **Nội dung:**

**- Tình yêu thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng của Bác Hồ.**

1. **Sản phẩm:**

- Những kiến thức về tác giả và tác phẩm.

1. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Gv giao cho học sinh thảo luận theo từng bàn tìm hiểu những thông tin liên quan đến tác giả, tác phẩm.**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **- Học sinh dựa trên những thông tin đã tìm hiểu ở nhà để thảo luận, đưa ra ý kiến chung.**  **B3. Báo cáo thảo luận**  **- Đại diện học sinh theo từng bàn trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **- Giáo viên nhận xét, đánh giá câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức.** | **1. Tác phẩm**  **- Hình thành kiến thức về cảnh trăng sáng ở chiến khu Việt Bắc trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp.**  **2. Tác giả**  **- Tình yêu thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng của Bác Hồ.** |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 2**

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:**

**- Tìm hiểu những thông tin về tác giả, tác phẩm.**

**b. Nội dung:**

**- Tác giả Hồ Chí Minh và bài thơ Nguyên tiêu**

**c. Sản phẩm:**

**- Câu trả lời của học sinh.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Đọc:**  **2. Tác giả**  **3. Tác phẩm**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Hồ Chí Minh (1890-1969), quê tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An  - Người là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam, người đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh và giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dụng chủ nghĩa xã hội  - Hồ Chí Minh là một nhà thơ lớn của dân tộc và là Danh nhân văn hóa thế giới  - Sự nghiệp sáng tác: Hồ Chí Minh sáng tác nhiều thể loại, để lại một khối lượng tác phẩm lớn   * Văn chính luận: Bản án chế độ thực dân Pháp, Tuyên ngôn độc lập, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến… * Truyện, kí: Vi hành, Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu * Thơ: Nhật kí trong tù, Thơ Hồ Chí Minh…   **2. Văn bản**  **Hoàn cảnh ra đời bài thơ Rằm tháng giêng**  Bài thơ được sáng tác tại chiến khu Việt Bắc, năm 1948 - những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.  **Phương thức biểu đạt bài thơ Rằm tháng giêng**  Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

**- Nhận biết những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.**

**b. Nội dung:**

**- Hình ảnh ánh trăng rọi sáng và tâm trạng của người cách mạng.**

**- Từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp trong bài thơ.**

**c. Sản phẩm:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ:**  B1. Chuyển giao nhiệm vụ  - GV chia lớp thành 4 nhóm, tương ứng với câu hỏi 1, 2, 3, 4 trong sách giáo khoa.  B2. Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh thảo luận và trình bày câu trả lời trên bảng nhóm.  B3. Báo cáo thảo luận  - GV mời đại diện từng nhóm lên bảng trình bày trước lớp.  B4. Đánh giá kết quả thực hiện:  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Xác định bố cục của bài thơ**  - 2 câu đầu: Khung cảnh đêm rằm tháng Giêng.  - 2 câu sau: Tâm hồn của nhà thơ Hồ Chí Minh.  **2. sgk**  **a.**  - Cảnh đêm khuya được miêu tả với những nét đặc trưng:  + Trăng đúng lúc tròn đầy (“nguyệt chính viên”)  + Sông xuân, nước tiếp liền với sức xuân của bầu trời (“xuân giang, xuân thủy, tiếp xuân thiên”)  + Hình ảnh ánh trăng rọi sáng trên không gian bao la, tràn ngập sức sống.  b.  Từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp trong nguyên tác có tác dụng thi vị hóa nét đẹp của đêm trăng rằm tháng giêng đẹp, tròn đầy.  3. sgk  - Yên ba thâm xứ đàm quân sự:  + Hình ảnh của quân đội đang bàn bạc việc quân trong không gian khói sóng tạo sự nghiêm túc và trọng đại.  + Đây là một khung cảnh hoạt động cách mạng liên quan đến cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp  - Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền:  + Ánh trăng chiếu xuống con thuyền, tạo nên hình ảnh đẹp và lãng mạn.  4. sgk  Hình ảnh con thuyền chở trăng trong dòng thơ cuối tạo ra một cảm giác lãng mạn và tinh tế. Thuyền trở về trong đêm, đầy ánh trăng, gợi lên tâm hồn của người lính chiến đấu trong cuộc kháng chiến. Ánh trăng chiếu xuống con thuyền , tạo nên một khung cảnh đẹp và thơ mộng, như một lời chào từ thiên nhiên đối với những người lính về đến bến bờ an lành. |

**2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

**- Giúp định hướng nhận biết về nội dung và nghệ thuật sau khi khám phá văn bản.**

**b. Nội dung:**

**- Tâm hồn của nhà thơ Hồ Chí Minh.**

**c. Sản phẩm:**

**- Câu trả lời của học sinh.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo thảo luận:**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | **III. Tổng kết**  **Tâm hồn thanh tịnh và tinh tế**  **- Bài thơ được viết theo thể thơ tứ tuyệt, mang dư vị và phong cách, thần thái của thơ Đường.**  **- Hình ảnh ánh trăng, dòng sông, con thuyền được sử dụng một cách nhẹ nhàng.**  **- Bài thơ có sự kết hợp giữa nét cỏ điển và hiện đại.** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) cảm nhận về vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên và con người Cách mạng trong văn bản Nguyên tiêu.

**b. Nội dung:**

- Vẻ đẹp của ánh trăng, chiếc thuyền, con người trong bài thơ.

**c. Sản phẩm:**

- Bài viết của học sinh làm ở nhà.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | - 2 câu đầu: Khung cảnh đêm rằm tháng Giêng.  - 2 câu sau: Tâm hồn của nhà thơ Hồ Chí Minh.  - Cảnh đêm khuya được miêu tả với những nét đặc trưng:  + Trăng đúng lúc tròn đầy (“nguyệt chính viên”)  + Sông xuân, nước tiếp liền với sức xuân của bầu trời (“xuân giang, xuân thủy, tiếp xuân thiên”)  + Hình ảnh ánh trăng rọi sáng trên không gian bao la, tràn ngập sức sống.  - Từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp trong nguyên tác có tác dụng thi vị hóa nét đẹp của đêm trăng rằm tháng giêng đẹp, tròn đầy.  - Yên ba thâm xứ đàm quân sự:  + Hình ảnh của quân đội đang bàn bạc việc quân trong không gian khói sóng tạo sự nghiêm túc và trọng đại.  + Đây là một khung cảnh hoạt động cách mạng liên quan đến cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp  - Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền:  + Ánh trăng chiếu xuống con thuyền, tạo nên hình ảnh đẹp và lãng mạn.  - Hình ảnh con thuyền chở trăng trong dòng thơ cuối tạo ra một cảm giác lãng mạn và tinh tế. Thuyền trở về trong đêm, đầy ánh trăng, gợi lên tâm hồn của người lính chiến đấu trong cuộc kháng chiến. Ánh trăng chiếu xuống con thuyền , tạo nên một khung cảnh đẹp và thơ mộng, như một lời chào từ thiên nhiên đối với những người lính về đến bến bờ an lành. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu: Giúp học sinh mở rộng kiến thức về các tác phẩm khác của Hồ Chí Minh.**

**b. Nội dung:**

**- Tìm hiểu một số tác phẩm thơ của Hồ Chí Minh.**

**c. Sản phẩm:**

**Các bài thơ sưu tầm của học sinh.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

**B3. Báo cáo thảo luận**

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:**

Ngày soạn:

**BÀI 8: HAI TAY XÂY DỰNG MỘT SƠN HÀ**

**(Tác giả Hồ Chí Minh và văn bản nghị luận)**

**GIÁ TRỊ CỦA TẬP *TRUYỆN VÀ KÍ* (NGUYỄN ÁI QUỐC) - PHẠM HUY THÔNG**

**(Đọc kết nối theo chủ điểm)**

*Thời gian thực hiện: 1,5 tiết*

**Giáo viên soạn: Ngô Kim Đồng, trường THPT Bình Minh, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long**

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1. Về kiến thức:**

– Kiến thức về tác giả Hồ Chí Minh: vài nét về tiểu sử, quan điểm sáng tác văn học, di sản văn học, phong cách nghệ thuật.

– Cách vận dụng kiến thức về tác giả Hồ Chí Minh vào đọc các tác phẩm của Người.

– Kiến thức về thao tác nghị luận, ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận.

– Cách vận dụng kiến thức về thao tác nghị luận, ngôn ngữ biểu cảm để đọc VB.

**2. Về năng lực:**

– Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm

của Người.

– Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong một VB nghị luận; chỉ ra mối liên hệ của chúng.

– Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận trong VB để đạt được mục đích.

– Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong VB nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này; nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong VB nghị luận.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện qua việc thảo luận nhóm.

– Năng lực tự chủ và tự học thể hiện qua việc thực hiện các nhiệm vụ HT được giao, phân chuẩn bị bài ở nhà.

**3. Về phẩm chất:**

Biết trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; phát huy trách nhiệm của công dân trẻ với cộng đồng.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**Tiết ….**

**GIÁ TRỊ CỦA TẬP *TRUYỆN VÀ KÍ* (NGUYỄN ÁI QUỐC) - PHẠM HUY THÔNG**

**(Đọc kết nối theo chủ điểm)**

*Thời gian thực hiện: 1,5 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

– Vận dụng hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu giá trị của tập *Truyện và kí* (Nguyễn Ái Quốc) - Phạm Huy Thông.

**2. Về năng lực:**

– Vận dụng hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu giá trị của tập *Truyện và kí* (Nguyễn Ái Quốc) - Phạm Huy Thông.

– Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận trong VB để đạt được mục đích.

– Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong VB nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này; nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong VB nghị luận.

**3. Về phẩm chất**:

Biết trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; phát huy trách nhiệm của công dân trẻ với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

– Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

– SGK, SGV.

– Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm.

**2. Học liệu:**

- Sách giáo khoa

- Sách tham khảo giáo viên

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
| **12A** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **12C** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

– Vận dụng hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu giá trị của tập *Truyện và kí* (Nguyễn Ái Quốc) - Phạm Huy Thông.

**b. Nội dung:**

Câu trả lời của HS về chủ điểm bài học và suy nghĩ của HS về chủ điểm.

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS về chủ điểm bài học và suy nghĩ của HS về chủ điểm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *\* Giao nhiệm vụ HT: HS thực hiện trò chơi “Ai nhanh hơn” bằng việc trả lời các câu hỏi sau:*  *1. Giá trị của tập Truyện và kí* (Nguyễn Ái Quốc) - Phạm Huy Thông được trích từ đâu?    2. Hãy nêu nội dung khái quát của tập *Truyện và kí* (Nguyễn Ái Quốc) - Phạm Huy Thông?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS suy nghĩ tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày câu trả lời. Các HS khác bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, tổng kết các ý kiến của HS | - Được trích từ “Mấy lời nói đầu” trong tập *Truyện và kí* (Nguyễn Ái Quốc) - Phạm Huy Thông.    **-** *Truyện và kí* (Nguyễn Ái Quốc) - Phạm Huy Thông được nhìn từ nội dung tư tưởng và phong cách nghệ thuật. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

1. **Mục tiêu:**

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

– Vận dụng hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu giá trị của tập *Truyện và kí* (Nguyễn Ái Quốc) - Phạm Huy Thông.

**Nội dung:**

HS trình bày phần chuẩn bị ở nhà các câu hỏi xoay quanh văn bản Giá trị của tập *Truyện và kí* (Nguyễn Ái Quốc) - Phạm Huy Thông.

**Sản phẩm: Kết quả thảo luận nhóm của HS (ở nhà)**

1. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ:  - GV cho HS thảo luận nhóm (4 nhóm) – ở nhà – ghi kết quả lên bảng phụ và yêu cầu đại diện các nhóm lên bảng trình bày:  + Nhóm 1: Câu 1 SGK trang 73  *+* Nhóm 2: Câu 2 SGK trang 73  + Nhóm 3: Câu 3 SGK trang 73  *+* Nhóm 4: Câu 4 SGK trang 73  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  ***\* Giáo viên giao nhiệm vụ HT:***4 nhóm (đã chuẩn bị trước ở nhà), mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ như đã phân công ở trên.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Gv nhận xét, chốt ý, chiếu kết quả lên màn hình, HS ghi nhận. | **Câu 1:** Bố cục hai phần:  - Phần 1: Giá trị của tập *Truyện và kí* (Nguyễn Ái Quốc) nhìn từ nội dung tư tưởng;  - Phần 2: Giá trị của tập *Truyện và kí* (Nguyễn Ái Quốc) nhìn từ phong cách nghệ thuật.  **Câu 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố ngôn ngữ nghị luận** | **Biểu hiện trong văn bản** | **Tác dụng** | | Biện pháp tu từ ẩn dụ | *Trí tưởng tượng của người cầm bút nhờ ngọn gió lãng mạn mà được chắp cánh bay bổng,…* | Thể hiện giá trị thẩm mĩ giàu tính lãng mạn trong hình tượng nghệ thuật của tập *Truyện và kí*. | | Biện pháp liệt kê, trùng điệp | *Hư cấu một cặp tình nhân thủ thỉ, một anh lính dõng tò mò, để lấy cớ tạo nên cảnh huống đả được đau nhất Khải Định, Va-ren cùng đồng bọn đáng ghét, là (tác giả) đều phải mơ cách mạng ngày đêm, ước mong cách mạng mãnh liệt, liên tưởng, tưởng tượng không ngừng về cách mạng,…* | Đưa ra các bằng chứng phong phú, chọn lọc, đa dạng từ các tác phẩm trong tập *Truyện và kí* làm nổi bật nội dung cách mạng trong tập, nhằm tăng cường sức thuyết phục cho luận điểm. | | Từ ngữ đặc sắc, giàu tính biểu cảm | *“đả kích một cách chua cay”*; *“vạch trần bộ mặt gian ác”*; *“giáng một đòn đích đáng”* | Từ ngữ chọn lọc, thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ trong tác phẩm *Truyện và kí*. | | Sử dụng câu phủ định, khẳng định | *– Chính người là một vị anh hùng dân tộc. Nhưng Người không nói đến mình, mà cảm phục Phan Bội Châu.*  *– Người suốt đời là tác giả của chỉ một đề tài: đấu tranh cách mạng.*  *– Dùng tiếng Pháp, người nắm ngôn ngữ Pháp vững vàng, sử dụng ngôn ngữ Pháp tế nhị.* | Các kiểu câu khẳng định, phủ định nhấn mạnh sự phong phú và thống nhất, khả năng dung hoà các tính chất đối lập, tính nghệ thuật điêu luyện trong sử dụng ngôn ngữ (tiếng Pháp),… |   **Câu 3:**  **-** Về giá trị nội dung, tư tưởng: Sáu tác phẩm truyện, kí trong tập sách nội dung đều cô đọng mà phong phú, kể chuyện khắp năm châu, trước hết là Việt Nam. Một mặt các tác phẩm “đả kích một cách chua cay – do đó rất mạnh mẽ – vào kẻ thù chính của cách mạng Việt Nam nói riêng và cách mạng thuộc địa nói chung, là đế quốc thực dân và bè lũ tay sai phong kiến”, mặt khác cũng “biểu dương tinh thần yêu nước của nhân dân ta, tự hào có một quốc sử “treo bao tấm gương đạo đức và dũng cảm, chí khí và tự tôn””.  - Về giá trị nghệ thuật, thẩm mĩ:Lối viết “vui, nhẹ, thoải mái, thoạt đọc như mạn đàm, phóng bút, mà chứa đựng một nội dung tư tưởng cao cả và sâu sắc, lại được viết dưới một hình thức văn nghệ dễ tiếp thụ, thấm thía, có một ý nghĩa giáo dục to lớn”. Hình thức đa dạng mà nhất quán, đậm “tính lãng mạn cách mạng” và “phóng khoáng”; “vốn kiến thức cổ kim, đông tây uyên bác”. Không phải chỉ kiến thức học vấn cao xa, mà cả những hiểu biết chi li hằng ngày; thâm nhập tư duy của người Pháp, sử dụng tiếng Pháp nhuần nhị, bút pháp châm biếm vừa mang phong cách cá nhân, vừa mang phong cách hài hước rất Pháp, rất hiện đại.  **Câu 4:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thao tác nghị luận** | **Một số ví dụ trong văn bản** | | 1 | Chứng minh | – *Khi phác hoạ một chân dung vĩ đại và nên thơ như thế, với niềm tin ở tương lai huy hoàng, cũng như khi hư cấu một cặp tình nhân thủ thỉ, một anh lính dõng tò mò, để lấy cớ tạo nên những cảnh huống đả được đau nhất Khải Định, Va-ren cùng đồng bọn đáng ghét, là (tác giả) đều phải mơ cách mạng ngày đêm, ước mong cách mạng mãnh liệt, tưởng tượng không ngừng về cách mạng* 🡪 Đưa bằng chứng để làm sáng tỏ giá trị tư tưởng của tập *Truyện và kí*.  – … | | 2 | Bình luận | *– Bên những câu chuyện dí dỏm hay chua chát tố cáo sắc bén những thủ đoạn cai trị khi tàn bạo, khi quỷ quyệt của thực dân, đây là một thứ ngụ ngôn cổ vũ và hướng dẫn đấu tranh không riêng gì ở nước ta, nhưng lại đậm đà hương vị đồng quê đất Việt* 🡪 Thể hiện thái độ đề cao đối với giá trị của tập *Truyện và kí*.  – … | | 3 | Phân tích | – Thể hiện qua bố cục và mạch lập luận của VB, phân tích giá trị tập *Truyện và kí* trên phương diện giá trị nội dung tư tưởng, giá trị phong cách nghệ thuật.  – … | |

**HOẠT ĐỘNG 3. Luyện tập và vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS biết cách vận dụng kiến thức đã học để trình bày ý kiến về nhận định văn học.

**b. Nội dung:** từ những hiểu biết về sự nghiệp văn học của HCM, anh/chị hãy trình bày ý kiến về nhận định sau:

“Điểm nổi nét trong phương pháp sáng tác của Hồ chủ tịch là tính lãnh mạn cách mạng” (Phạm Huy Thông).

**c. Sản phẩm:** Bài làm của cá nhân HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Vận dụng kiến thức để hoàn thành bài tập ở nhà.

**\* Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập – Giáo viên theo dõi, hướng dẫn**

Bài tập về nhà, HS có vướng mắc trao đổi qua zalo nhóm lớp.

**\* Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận**

- HS nộp bài trên giấy tập.

- GV hướng dẫn nếu HS có vướng mắc.

**\* Bước 4. Kết luận, nhận định**

“Điểm nổi nét trong phương pháp sáng tác của Hồ Chủ tịch là tính lãng mạn cách mạng.”

- Phạm Huy Thông đánh giá cao tính lãng mạn cách mạng trong sáng tác của Hồ Chí Minh.

- Người đã sử dụng văn chương như một vũ khí để phục vụ cách mạng và trở thành nhà văn, nhà thơ lớn ngoài ý muốn của mình.

Ngày soạn:

**BÀI 8: HAI TAY XÂY DỰNG MỘT SƠN HÀ**

**(Tác giả Hồ Chí Minh và văn bản nghị luận)**

**NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VA-REN VÀ PHAN BỘI CHÂU**

**(Đọc mở rộng theo thể loại và tác giả)**

**CẢNH RỪNG VIỆT BẮC**

**(Đọc mở rộng theo thể loại và tác giả)**

*Thời gian thực hiện: 1,5 tiết*

**Giáo viên soạn:**

**- Ngô Kim Đồng, trường THPT Bình Minh, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long**

**- Lê Thị Phượng, trường THPT Võ Văn Kiệt, Vũng Liêm, Vĩnh Long**

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1. Về kiến thức:**

– Kiến thức về tác giả Hồ Chí Minh: vài nét về tiểu sử, quan điểm sáng tác văn học, di sản văn học, phong cách nghệ thuật.

– Cách vận dụng kiến thức về tác giả Hồ Chí Minh vào đọc các tác phẩm của Người.

– Kiến thức về thao tác nghị luận, ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận.

– Cách vận dụng kiến thức về thao tác nghị luận, ngôn ngữ biểu cảm để đọc VB.

**2. Về năng lực:**

– Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm

của Người.

– Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong một VB nghị luận; chỉ ra mối liên hệ của chúng.

– Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận trong VB để đạt được mục đích.

– Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong VB nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này; nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong VB nghị luận.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện qua việc thảo luận nhóm.

– Năng lực tự chủ và tự học thể hiện qua việc thực hiện các nhiệm vụ HT được giao, phân chuẩn bị bài ở nhà.

**3. Về phẩm chất:**

Biết trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; phát huy trách nhiệm của công dân trẻ với cộng đồng.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**Tiết ….**

**- VĂN BẢN 3,4: NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VA-REN VÀ PHAN BỘI CHÂU**

**(Đọc mở rộng theo thể loại và tác giả)**

**CẢNH RỪNG VIỆT BẮC**

**(Đọc mở rộng theo thể loại và tác giả)**

*Thời gian thực hiện: 1,5 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

– Vận dụng hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người.

**2. Về năng lực:**

– Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người.

– Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận trong VB để đạt được mục đích.

– Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong VB nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này; nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong VB nghị luận.

**3. Về phẩm chất**:

Biết trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; phát huy trách nhiệm của công dân trẻ với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

– Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

– SGK, SGV.

– Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm.

**2. Học liệu:**

- Sách giáo khoa

- Sách tham khảo giáo viên

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
| **12A** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **12C** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

**– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.**

**– Vận dụng hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người.**

**b. Nội dung:**

Câu trả lời của HS về chủ điểm bài học và suy nghĩ của HS về chủ điểm.

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS về chủ điểm bài học và suy nghĩ của HS về chủ điểm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *\* Giao nhiệm vụ HT: HS thực hiện trò chơi “Ai nhanh hơn” bằng việc trả lời các câu hỏi sau:*  *1. Hãy xác định ngôi kể trong* VB ***Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*?**  2. Xác định chủ thể trữ tình, ngôi xưng của VB “Cảnh rừng VB”?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS suy nghĩ tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày câu trả lời. Các HS khác bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, tổng kết các ý kiến của HS | - Ngôi thứ 3.  - Chủ thể trữ tình trong bài thơ là “ta”, xuất hiện trực tiếp dưới dạng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

1. **Mục tiêu:**

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

– Vận dụng hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người.

**Nội dung:**

HS trình bày phần chuẩn bị ở nhà các câu hỏi xoay quanh 2 VB ***Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*** và ***Cảnh rừng Việt Bắc***

1. **Sản phẩm: Kết quả thảo luận nhóm của HS (ở nhà)**
2. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ:  - GV cho HS thảo luận nhóm (4 nhóm) – ở nhà – ghi kết quả lên bảng phụ và yêu cầu đại diện các nhóm lên bảng trình bày:  + Nhóm 1: Câu 1,2 VB ***Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu.***  *+* Nhóm 2: Câu 3,5 VB ***Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu.***  + Nhóm 3:Câu 6,7 VB ***Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu.***  *+* Nhóm 4:Câu 1,2,3 VB “Cảnh rừng VB”.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  ***\* Giáo viên giao nhiệm vụ HT:***4 nhóm (đã chuẩn bị trước ở nhà), mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ như đã phân công ở trên.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Gv nhận xét, chốt ý, chiếu kết quả lên màn hình, HS ghi nhận. | **I. VB *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*:**  **Câu 1:** HS tự tóm tắt sự kiện chính của truyện dựa vào hai nhóm sự kiện:  **- Nhóm 1:** Những trò lố “không chính thức” – hành trình từ Mác-xây sang Việt Nam để thực hiện lời hứa của ông Va-ren sau khi nhậm chức Toàn quyền Đông Dương.  **- Nhóm 2:** Những trò lố “chính thức” – cuộc hội kiến giữa Va-ren và Phan Bội Châu tại nhà giam Hoả Lò (Hà Nội) và sự thật về phản ứng của người tù trước sự “chăm sóc” của quan Toàn quyền.  **Câu 2:** Nhân vật chính: ông Va-ren; cụ Phan Bội Châu   Căn cứ nhận biết: nhan đề VB; vai trò, tầm quan trọng của nhân vật trong cốt truyện và trong việc thể hiện nội dung, tư tưởng của VB.  **Câu 3:**  a. Tính cách của Va-ren: dối trá, thất hứa (HS tự tìm bằng chứng làm sáng tỏ đặc điểm tính cách này).  b. Nghệ thuật miêu tả, thể hiện tính cách nhân vật:  – Phát huy sức mạnh của tưởng tượng, hư cấu việc xây dựng chi tiết nghệ thuật.  – Sử dụng lối kể chuyện song hành: song hành và tương phản giữa chuyến đi dài, lời hứa mị dân và Va-ren và sự thật được lặp lại ba lần “Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù”.  – Sử dụng kết cấu và thủ pháp đối lập khi miêu tả, hành động, ngôn ngữ: cùng lúc khắc hoạ tính cách của Va-ren trong sự đối lập với cụ Phan Bội Châu.  – Đưa ra nhiều đoạn kết gây tò mò, khơi gợi trí tưởng tượng của người đọc.  **Câu 4:** HS tự thực hiện.  **Câu 5:** Câu chuyện, nhân vật trong Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu được kể theo ngôi thứ ba, người kể chuyện toàn tri ẩn ngầm đứng phía sau quan sát, đặt câu chuyện, nhân vật, sự việc trong bối cảnh lịch sử, chính trị – xã hội nóng hổi đương thời và kể lại. Tác dụng của ngôi kể này là giúp bao quát sự việc, làm sống dậy không chỉ các nhân vật mà còn bối cảnh cảnh thời sự sống động của nó.  Để hai nhân vật chính hiện lên sống động từ cái nhìn nhiều phía, người kể chuyện toàn  tri đã kết hợp nhiều góc nhìn: góc nhìn của báo chí, công luận; góc nhìn của người dân  Sài Gòn gồm đủ các lứa tuổi (trẻ em, phụ lão, nhà nho, phụ nữ,...); góc nhìn của hai nhân vật (Va-ren, Bội Châu) nhìn nhau, góc nhìn của anh lính dõng,... Kết thúc truyện với hai phương án và một T.B cũng thể hiện cách nhìn nhiều phía thú vị đó trong VB truyện. Cách sử dụng phối hợp các góc nhìn khác nhau như vậy đã giúp cho hai nhân vật Phan Bội Châu và nhất là Va-ren hiện lên trong sự đối lập gay gắt: Va-ren càng giả trá, đê tiện, đáng khả nghi, thất bại, nhục nhã trong cuộc hội kiến bao nhiêu thì cụ Phan Bội Châu càng hiện lên cao quý, lẫm liệt bấy nhiêu.  **Câu 6:** Cách đặt nhan đề “kép” (gồm hai nhan đề ghép lại “Những trò lố” hay là “Va-ren và Phan Bội Châu”) độc đáo, gợi ra tư tưởng, chủ đề của tác phẩm, sự đối lập giữa hai nhân vật chính và quan điểm của người viết.  Cách kết thúc mở với nhiều phương án gợi trí tò mò của người đọc, thể hiện thái độ mỉa  mai, phê phán với nhân vật Va-ren, đề cao tính chính nghĩa, nhân cách cao đẹp của nhân vật Phan Bội Châu.  **Câu 7**: Chủ đề: “Những trò lố” của Toàn quyền Va-ren trong việc “chăm sóc” người tù Phan Bội Châu sau khi nhậm chức.  Thông điệp: Công luận không nên/ không thể chờ đợi bất kì điều gì tốt đẹp hơn đối với nhà hoạt động ái quốc Phan Bội Châu, mỗi khi có một vị quan Toàn quyền mới của chính phủ thực dân Pháp như ông Va-ren nhậm chức và đưa ra những lời hứa dối trá.  **Câu 8:** HS tự thực hiện.  **II. VB *Cảnh rừng Việt Bắc*:**  **Câu 1:** Trong sáu dòng thơ đầu:  – Chủ thể trữ tình trong bài thơ cảm nhận và miêu tả bức tranh thiên nhiên, phong thái sinh hoạt của con người kháng chiến với giọng vui tươi, lạc quan, thiên về vui đùa, động viên.  – Chú ý đến các cụm từ đặc sắc: “thật là hay”, “... thì mời...”, “thường chén...”, “tha hồ dạo”, “mặc sức say”; “non xanh, bước biếc”; “rượu ngọt, chè tươi”,...  **Câu 2:** Chủ thể trữ tình trong bài thơ là “ta”, xuất hiện trực tiếp dưới dạng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất.  **Câu 3:** GV ôn lại thể thất ngôn bát cú luật Đường, hướng dẫn HS nhận xét.  - Thơ thất ngôn bát cú  + Cách gieo vần: vần chân cách “ay"  + *Cảnh rừng Việt Bắc* được miêu tả qua những hình ảnh sau: "Vượn hót chim kêu; non xanh, nước biếc; rượu ngọt, chè tươi; trăng, hạc, xuân".  + Biện pháp tu từ liệt kê, được thể hiện qua cách tác giả liệt kê các hình ảnh miêu tả vẻ đẹp nơi núi rừng Việt Bắc: "Vượn hót chim kêu; non xanh, nước biếc; rượu ngọt, chè tươi; trăng, hạc, xuân".  - Tác dụng: Biện pháp liệt kê nhấn mạnh rằng nơi núi rừng Việt bắc có rất nhiều cảnh đẹp trù phú, thú vị. Thể hiện tình yêu thiên nhiên, sự gắn bó với thiên nhiên của Bác Hồ.  **Câu 4:** HS tự trả lời.  **Câu 5:** HS tự trả lời. |

**HOẠT ĐỘNG 3. Luyện tập và vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS biết cách vận dụng kiến thức đã học để liên hệ so sánh với tác phẩm khác của HCM.

**b. Nội dung:** Nêu điểm tương đồng và khác biệt giữa 2 bài thơ “Cảnh rừng Việt Bắc” và “Rằm tháng giêng”?

**c. Sản phẩm:** Bài làm của cá nhân HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Vận dụng kiến thức để hoàn thành bài tập ở nhà.

**\* Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập – Giáo viên theo dõi, hướng dẫn**

Bài tập về nhà, HS có vướng mắc trao đổi qua zalo nhóm lớp.

**\* Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận**

- HS nộp bài trên giấy tập.

- GV hướng dẫn nếu HS có vướng mắc.

**\* Bước 4. Kết luận, nhận định**

**Nét chung:**

+ Được sáng tác và lấy cảm hứng từ sự rung động của con người trước vẻ đẹp thiên nhiên vùng Tây Bắc trữ tình

+ Miêu tả những hình ảnh độc đáo bộc lộ tình yêu thiên nhiên và đất nước của tác giả

+ Con người không hề đơn độc mà luôn hòa quyện với thiên nhiên, dù ở hoàn cảnh chiến tranh gay go ác liệt, nhưng tâm hồn con người vẫn luôn hướng tới những điều tốt đẹp nhất.

**- Nét riêng:**

+ Bài “Rằm tháng Giêng" viết thể thất ngôn tứ tuyệt, “Cảnh rừng Việt Bắc" viết thể thất ngôn bát cú

+ Bài thơ “Cảnh rừng Việt Bắc": thể hiện sự hài hòa mọi sự vật. Vì cảnh đẹp đã ghi tạc trong những tâm tư sâu nặng trong lòng Người, Người khẳng định lòng chung thủy sẽ quay trở lại thăm nơi này, lời hứa hẹn son sắt khi từ biệt mảnh đất tươi đẹp này về miền xuôi. Người không bỏ mặc thiên nhiên, coi nó sống động trong tâm hồn mình, vì thế Bác chẳng bao giờ lãng quên quá khứ đẹp đẽ, mất đi tình yêu thương với Việt Bắc.

+ Bài thơ “Rằm tháng giêng” lại là bức tranh đầy sắc xuân và tâm trạng say mê thưởng thức vẻ đẹp trời xuân của nhà thơ, nhà thơ cùng đồng chí của mình bàn việc quân ở khung cảnh sông nước nơi Việt Bắc.

Ngày soạn:

**BÀI 8: HAI TAY XÂY DỰNG MỘT SƠN HÀ**

**(TÁC GIẢ HỒ CHÍ MINH VÀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN)**

**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết …:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT TỔNG HỢP TỪ CÁC VĂN BẢN ĐỌC HIỂU**

*Thời gian thực hiện: 01 tiết*

**Giáo viên soạn: Tô Giang Xuân Hương. Trường THPT Trần Văn Bảy (Ấp 3, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:** Biện pháp tu từ nói mỉa; Nghĩa hàm ẩn; Cấu trúc cú pháp của câu.

**2. Về năng lực:**

**2.1. Năng lực đặc thù**

- Phân tích biện pháp tu từ nói mỉa trong ngữ liệu cụ thể.

- Phân tích nghĩa hàm ẩn trong ngữ liệu cụ thể.

- Nhận xét được cấu trúc cú pháp của câu trong ngữ liệu cụ thể.

**2.2. Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác.

**3. Về phẩm chất**: Hiểu và trân trọng giá trị văn thơ của tác giả Hồ Chí Minh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Tivi, máy chiếu, micro, bảng, phấn.

**2. Học liệu:** SGK, SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Xác định được biện pháp tu từ nói mỉa trong ngữ liệu

**b. Nội dung:** Biện pháp tu từ nói mỉa

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cung cấp ngữ liệu, HS đọc và nhận diện các biện pháp tu từ trong phần in đậm của ngữ liệu.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc ngữ liệu và chỉ ra biện pháp tu từ nói mỉa trong ngữ liệu.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** HS chỉ ra được biện pháp tu từ nói mỉa trong ngữ liệu, từ đó giúp hiểu hơn về nội dung VB đã đọc.  (?) GV yêu cầu hs nhắc lại khái niệm của bptt nói mỉa  - HS nhắc lại khái niệm đã học ở bài 7 | Biện pháp tu từ nói mỉa trong ngữ liệu:  Tôi nhớ chuyện vua Thuấn, vì muốn đích thân tai nghe mắt thấy dân có bằng lòng mình không, nên cải trang làm dân cày đi dò la khắp xứ. […] **Bên cạnh những bậc cải trang vĩ đại ấy muốn đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, ngày nay còn có những ông hoàng, ông chúa, để tiện việc riêng và vì lí do không cao thượng bằng, cũng “vi hành” đấy.**   * Biện pháp tu từ nói mỉa: “vi hành” |

**HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu:** Thực hành giải các bài tập tiếng Việt

**b. Nội dung:** Bài tập tiếng Việt

**c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bài tập 1** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV gọi HS đọc và làm bài tập 1, SGK trang 73.  GV yêu cầu HS chỉ ra biện pháp tu từ nói mỉa và tác dụng.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc bài tập, chỉ ra biện pháp tu từ nói mỉa và tác dụng.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  GV gọi 1, 2 HS trình bày và gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  HS chỉ ra được biện pháp tu từ nói mỉa và tác dụng. | a. Biện pháp nói mỉa: “nửa chính thức hứa”, “giả thử cứ cho rằng một vị toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa”,…  🡪 Thể hiện thái độ mỉa mai của tác giả với lời hứa của ông Va-ren; tạo hiệu quả châm biếm hài hước cho văn bản.  🡪 Làm cho cách diễn đạt trở nên thú vị, gây ấn tượng với người đọc.  b. Biện pháp nói mỉa: “Những cu-li xe kéo xe tay phóng cật lực, đôi bàn chân dẫm đất lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng,…” được gọi là những “cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương”  🡪 Thể hiện thái độ mỉa mai của tác giả với cái nhìn của ông Va-ren.  🡪 Tạo hiệu quả châm biếm, làm cho các diễn đạt trở nên thú vị, ấn tượng với người đọc. |
| **Bài tập 2** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV gọi HS đọc và làm bài tập 2, SGK trang 74.  GV yêu cầu HS phân tích tác dụng của việc sử dụng các câu.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc bài tập, phân tích tác dụng của việc sử dụng các câu.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  GV gọi 1, 2 HS trình bày và gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  HS nêu được tác dụng của việc sử dụng các câu. | Việc lặp lại câu “Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù” (chi tiết cụ thể: Việc lặp lại hoàn toàn (câu “Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.” ở phần 2 và phần 3) và gần như hoàn toàn các câu (các câu ở phần 1 và phần 2, phần 3)  có tác dụng nhấn mạnh thông tin Phan Bội Châu vẫn bị giam trong tù nhằm tạo sự tương phản với các hoạt động của Va-ren, từ đó bóc trần, lật tẩy “những trò lố” của Va-ren.  🡪 Tạo ra giọng điệu mỉa mai, châm biếm, làm tăng sức biểu cảm trong toàn VB. |
| **Bài tập 3** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV gọi HS đọc bài tập 3, SGK trang 74.  GV chia nhóm, HS thảo luận:  **- Nhóm 1:** Nhận xét về cấu trúc cú pháp của các câu trong đoạn trích: “Về chính trị … nòi giống ta suy nhược”. Nêu tác dụng của chúng.  **- Nhóm 2:** Nhận xét về cấu trúc cú pháp của các câu trong đoạn trích: “Về kinh tế … vô cùng tàn nhẫn”. Nêu tác dụng của chúng.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc bài tập, phân tích tác dụng của việc sử dụng các câu.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Đại diện 2 nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  HS nêu được tác dụng của việc sử dụng các câu. | - Cấu trúc “Về + A, chúng + X”  (1) *Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.*  (2) *Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tuỷ, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.*  - Về chính trị: cấu trúc “Chúng + X”  (1) *Chúng thi hành những luật pháp dã man.*  (2) *Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.*  (3) *Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học….*  - Về kinh tế: cấu trúc “Chúng + X”  (1) *Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.*  (2) *Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng….*  🡪 Tác dụng: Nhấn mạnh thông tin tội ác của thực dân Pháp; Tạo âm hưởng trùng điệp, giọng điệu hùng biện cho VB, từ đó gây ấn tượng mạnh về cảm xúc và nhận thức với người đọc.  - Điệp cấu trúc: “Chúng + X”  cùng với liệt kê một loạt hành động tội ác của thực dân Pháp.  - Tác dụng: Tạo dẫn chứng chặt chẽ, sắc sảo, thuyết phục người đọc, người nghe; khiến người đọc càng hình dung một cách cụ thể sự tàn bạo của thực dân Pháp. |

**HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG *Từ đọc đến viết***

**a. Mục tiêu:** Biết cách thực hiện bài tập *Từ đọc đến viết*.

**b. Nội dung:** Viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Phần ghi chú của HS về cách thực hiện bài tập *Từ đọc đến viết*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS thực hiện bài tập *Từ đọc đến viết:*  Lớp chia thành 4 nhóm thực hiện yêu cầu sau: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày ý kiến của em về sự phong phú, đa dạng trong thơ ca Hồ Chí Minh. Trong đó có vận dụng ít nhất 1 biện pháp tu từ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thực hiện theo yêu cầu  **B3. Báo cáo thảo luận:** chọn nhóm thực hiện nhanh nhất trình bày sản phẩm, các nhóm còn lại nhận xét bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét phần thảo luận của nhóm  Cho HS tham khảo 1 đoạn văn mẫu | Thơ ca của Hồ Chí Minh thể hiện tính phong phú và đa dạng thông qua việc đề cập đến nhiều đề tài khác nhau như khát vọng độc lập, tự do; lí tưởng cách mạng; vẻ đẹp thiên nhiên và tâm hồn con người... Những trang thơ của Người chứa đựng tình cảm sâu sắc và triết lý nhân văn cao cả. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh cũng biểu lộ niềm tin, lòng yêu nước mãnh liệt và lòng say mê cuộc sống. Điều này tạo ra sự đa dạng về cảm xúc và tình cảm trong từng bài thơ, từ những bản tình ca ngọt ngào đến những bài thơ cách mạng đầy khích lệ. Từ những cảnh quan đẹp tự nhiên đến hình ảnh những người nông dân, công nhân, lính chiến đấu, tất cả đều được thể hiện một cách sống động và chân thực trong thơ ca của Người. Điều này làm cho thơ Hồ Chí Minh trở nên đa dạng, phong phú và gần gũi với mọi tầng lớp trong xã hội. |

Ngày soạn: 18/3/2024

**BÀI 8: HAI TAY XÂY DỰNG MỘT SƠN HÀ**

**(Tác giả Hồ Chí Minh và văn bản nghị luận)**

**PHẦN 3. VIẾT**

**Tiết 86-87: VIẾT BÀI PHÁT BIỂU TRONG LỄ PHÁT ĐỘNG MỘT PHONG TRÀO HAY MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI**

*Thời gian thực hiện: 2 tiết*

***Giáo viên soạn:***

***+ Trần Thị Tuyết Nga, Trường THPT, Trần Văn Nghệ, phường Yên Hưng,, TX Tân Uyên, Bình Dương***

***+ Nguyễn Thị Hồng Lan, Trường THPT Đoàn Thị Điểm, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến tre***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

– Biết viết VB bảo đảm các bước: *Chuẩn bị viết* (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); *Tìm ý và lập dàn ý*; *Viết bài*; *Xem lại và chỉnh sửa*.

– Viết được bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.

**2. Về năng lực:**

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động làm việc nhóm.

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc lập dàn ý và chuẩn bị bài viết ở nhà.

**3. Về phẩm chất**: Phát huy trách nhiệm của công dân trẻ đối với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

**2. Học liệu:** SGK, PHT để hướng dẫn HS tìm hiểu lí thuyết về quy trình viết.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**\* Kiểm tra bài cũ:**

**\* Vào bài mới:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được đặc điểm tình huống giao tiếp khi viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào/ hoạt động xã hội.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về đặc điểm tình huống giao tiếp khi viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào/ hoạt động xã hội.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ HT:*Nhóm 2 HS thảo luận về các câu hỏi sau:

*– Lễ phát động một phong trào/ hoạt động xã hội được tổ chức nhằm mục đích gì?*

*– Người phát biểu trong lễ phát động là ai? Họ phát biểu với tư cách cá nhân hay đại diện cộng đồng? Từ đó, cần lưu ý gì về giọng điệu khi viết bài phát biểu?*

*– Bài phát biểu sẽ được người khác đọc thầm hay tác giả đọc trước công chúng? Từ đó, cần lưu ý gì về cách viết?*

***\**** *Thực hiện nhiệm vụ HT:* HS tìm câu trả lời, sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 1 – 2 HS trình bày câu trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:* GV kết luận, nhận định về đặc điểm tình huống giao tiếp khi viết kiểu bài bài phát biểu trong lễ phát động phong trào/ hoạt động xã hội:

– Người được mời phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội có thể là tấm gương tiêu biểu, đại diện ban tổ chức, đại diện cộng đồng thụ hưởng lợi ích từ phong trào/ hoạt động xã hội, cần lưu ý điều này để đảm bảo tính nghiêm túc, trang trọng trong nội dung, hình thức trình bày và ngôn ngữ của bài viết.

– Mặc dù được soạn thảo trước (dưới dạng viết), bài phát biểu chủ yếu là để đọc trong buổi lễ, trước mọi người. Vì vậy, tính chất đối thoại của kiểu bài này là rất cao, khi viết, người viết đã cần hình dung đến đối tượng người nghe để lựa chọn cách viết hướng về người nghe. Tính chất đối thoại thể hiện trong bài viết thông qua lời chào, những kiểu câu có tính chất đối thoại, những cách lựa chọn từ ngữ hướng đến đặc điểm tâm lí của người nghe.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được những hiểu biết về kiểu bài bài phát biểu trong lễ phát động phong trào hoặc hoạt động xã hội.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về khái niệm, đặc điểm, bố cục của bài phát biểu trong lễ phát động phong trào hoặc hoạt động xã hội.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ HT:*HS thực nhiệm vụ:

(1) HS đọc khung *Tri thức về kiểu bài* (SGK/ tr. 80) và ghi chú những nội dung chính, từ khoá quan trọng, các câu hỏi về bài học,…

(2) Trả lời các câu hỏi:

*– Thế nào là bài phát biểu trong lễ phát động phong trào hoặc hoạt động xã hội?*

*– Kiểu bài này có những yêu cầu gì và có bố cục như thế nào?*

*\* Thực hiện nhiệm vụ HT:* HS thực hiện nhiệm vụ HT.

### \* Báo cáo, thảo luận: HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

### \* Kết luận, nhận định: GV kết luận, nhận định về khái niệm, yêu cầu đối với kiểu bài, bố cục của bài luận về bản thân dựa vào khung Tri thức về kiểu bài (SGK/ tr. 80).

### 2. Hoạt động phân tích kiểu văn bản

***a. Mục tiêu:*** Đọc và phân tích ngữ liệu tham khảo, từ đó khái quát một số kinh nghiệm viết bài phát biểu trong lễ phát động phong trào/ hoạt động xã hội.

***b. Sản phẩm:*** Kết quả đọc và câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ HT:*

(1) Cá nhân: đọc thầm ngữ liệu tham khảo *Bài phát biểu hướng ứng Tết trồng cây năm Quý Mão 2023*, chú ý vào các box chỉ dẫn kĩ năng viết và ghi chú những lưu ý (nếu cần).

(2) Nhóm 2 HS thảo luận và trả lời 5 câu hỏi (SGK/ tr. 81).

*\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) 🡪 (2).

*\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện nhóm đôi trình bày câu trả lời cho các câu hỏi hướng dẫn phân tích ngữ liệu tham khảo. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV kết luận, nhận định về đáp án các câu hỏi hướng dẫn phân tích ngữ liệu tham khảo, sau đó gợi dẫn HS rút ra những kinh nghiệm viết về kiểu bài bài phát biểu trong lễ phát động phong trào/ hoạt động xã hội (tham khảo định hướng sau):

**Câu 1:** Bài phát biểu viết ra nhằm thuyết phục người nghe hưởng ứng Tết trồng cây năm Quý Mão, hiểu được ý nghĩa, thông điệp tích cực của phong trào Tết trồng cây và có những hành động thiết thực, cụ thể. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Luận điểm** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** |
| Luận điểm 1: Việc hưởng ứng Tết trồng cây có vai trò rất thiết thực trong bối cảnh hiện nay. | Cây xanh có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống của chúng ta; trồng rừng là mục tiêu mà nước ta và các quốc gia trên thế giới phải thực hiện để ứng phó với sự biến đổi khí hậu. | Các hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu; vai trò của cây xanh; các chương trình trồng rừng; phục hồi sinh thái do Đảng và Nhà nước chỉ đạo, triển khai,… |
| Luận điểm 2: Đối với trường chúng ta hiện nay, hoạt động hưởng ứng Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ có ý nghĩa hết sức sâu sắc. | – Phát huy truyền thống tốt đẹp của nhà trường.  – Tạo điều kiện cho mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên có cơ hội thể hiện tình cảm, có trách nhiệm với nhà trường.  – Mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên là một tấm gương về xây dựng môi trường sư phạm cho người học noi theo. | – Truyền thống xây dựng môi trường xanh – sạch – đẹp.  – Niềm hạnh phúc khi được lao động, được chăm sóc cây xanh. |

**Câu 2:** Bài phát biểu hướng tới đối tượng cán bộ, công nhân viên chức, giảng viên trong nhà trường. Do đó, bài phát biểu đã chọn ngôn ngữ phù hợp với đối tượng này: nghiêm túc, trang trọng nhưng không kém phần thân tình, chân thành (cách xưng hô, lời chúc, cách chọn kiểu câu, giọng điệu,…).

**Câu 3:** Yếu tố thuyết minh: Phần giới thiệu về quá trình hình thành và phát triển của lễ trồng cây; tình hình khí hậu trong bối cảnh hiện tại,… 🡪 Giúp người nghe có thêm tri thức để hiểu rõ hơn về hoạt động phong trào, về tính cấp bách của việc thực hiện hoạt động, từ đó tăng tính thuyết phục và khơi gợi hành động.

Yếu tố biểu cảm: lời chúc, những từ ngữ, câu văn thể hiện tình cảm của người viết (*Tết trồng cây đã thành một tập quán tốt đẹp của nhân dân ta trong ngày vui xuân mới, chúng ta cảm thấy hạnh phúc khi được lao động, trong không khí hân hoan mừng Đảng, mừng xuân, mừng đất nước đổi mới xuân Quý Mão năm 2023,..*),… 🡪 Tạo ra giọng điệu chân thành, thân tình cho bài phát biểu, khơi gợi sự đồng cảm nơi người nghe, từ đó thuyết phục họ hưởng ứng phong trào.

**Câu 4:** HS rút ra kinh nghiệm dựa trên phần trả lời các câu hỏi 1, 2, 3 và những ghi chú của bản thân khi đọc ngữ liệu tham khảo.

**3. Hoạt động tìm hiểu lí thuyết về quy trình viết**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết bài phát biểu trong lễ phát động phong trào/ hoạt động xã hội.

***b. Sản phẩm:*** Bảng tóm tắt quy trình viết của HS (theo mẫu PHT số 1).

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ HT:*

(1) HS đọc phần hướng *Thực hành viết theo quy trình* trong SGK/ tr. 82 – 83, sau đó thảo luận nhóm và điền thông tin vào bảng theo mẫu sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP**  **QUY TRÌNH VIẾT BÀI PHÁT BIỂU TRONG LỄ PHÁT ĐỘNG**  **MỘT PHONG TRÀO/ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** | | ***Bước 1: Chuẩn bị viết*** | Xác định đề tài:  … | … | | Xác định mục đích viết và người đọc:  … | … | | Thu thập tư liệu:  … | … | | ***Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý*** | Tìm ý:  … | … | | Lập dàn ý:  … | … | | ***Bước 3: Viết bài*** | … | … | | ***Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa*** | … | … | |

### \* Thực hiện nhiệm vụ HT: HS đọc phần Thực hành viết theo quy trình, sau đó thảo luận và hoàn thành bảng.

### \* Báo cáo, thảo luận: HS trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

### \* Kết luận, nhận định: GV đánh giá, nhận xét, kết luận về cá quy trình viết.

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP: VIẾT BÀI PHÁT BIỂU TRONG LỄ PHÁT ĐỘNG MỘT PHONG TRÀO HOẶC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI.**

**1. Nội dung 1: Hoạt động chuẩn bị trước khi viết:**

**1.1. Xác định đề tài mục đích, đối tượng, cách viết.**

**a**. **Mục tiêu**:

- Biết cách xác định mục đích, đối tượng và đề tài.

- Xác định được đề tài mục đích, đối tượng và cách viết cho bài viết sẽ thực hiện.

**b. Nội dung:** Hướng dẫn HS Xác định đề tài mục đích, đối tượng, cách viết.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập và câu trả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** HS thực hiện phiếu học tập số 1. HS ghi lại quy trình viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào/hoạt động xã hội.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ và trả lời trong Phiếu học tập (PHT) số 1 trong thời gian 3 phút.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày nội dung PHT. HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét định hướng cho HS về việc xác định đề tài, mục đích, đối tượng, cách viết.  **Dự kiến sản phẩm:** Phiếu học tập và câu trả của HS. | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1- QUY TRÌNH VIẾT BÀI PHÁT BIỂU TRONG LỄ PHÁT ĐỘNG MỘT PHONG TRÀO/MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI** | | | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** | | Bước 1: Chuẩn bị viết | Xác định đề tài, thời gian, địa điểm, nội dung của bài viết |  | | Mục đích, đối tượng của bài viết |  | | Thu thập tư liệu |  | | Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý | Giới thiệu ngắn gọn về nguồn gốc, lịch sử hình thành của phong trào/ hoạt động xã hội |  | | Nêu ít nhất 2 luận điểm khẳng định tầm quan trọng ý nghĩ tác dụng của phong trào/ hoạt động xã hội |  | | Đưa ra lời kêu gọi bằng những giải pháp, kế hoạch phương hướng thực hiện cụ thể rõ ràng, thuyết phục |  | | Bước 3: Viết bài | …………………………………………….. |  | | Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa | …………………………………………….. |  | |

**1. 2. Hoạt động làm mẫu thao tác quy trình viết**

Lưu ý: Tuỳ theo trình độ của người học, đặc điểm kiểu bài mà GV chọn làm mẫu kĩ năng viết phù hợp.

**a. Mục tiêu:** Biết cách thực hiện những thao tác trong quy trình viết thông qua một ví dụ cụ thể.

**b. Nội dung:** Hướng dẫn HS làm mẫu thao tác quy trình viết bài thông qua đề bài cụ thể trong SGK trang 82**.**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về quy trình viết bài phát biểu dựa vào đề bài SGK trang 82.Câu hỏi của HS về những thao tác mình chưa hiểu rõ trong quy trình viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1.** **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc lại đề bài trang 82 và xem lại PHT số 1 về quy trình viết đã thực hiện và đưa ra những câu hỏi về quy trình viết đối với đề bài trên.  *– Với đề bài này, em sẽ viết bài phát biểu hướng đến đối tượng nào và nhằm mục đích gì?*  *– Với đối tượng và mục đích ấy, em dự định sẽ chọn cách viết như thế nào?*  **B2.** **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Dựa vào PHT số 1, HS tiến hành nêu ra hệ thống câu hỏi về quy trình viết cho đề bài trong SGK. Sau đó ghi ra những câu hỏi về những kĩ năng mình chưa rõ.  **B3.** **Báo cáo, thảo luận:**2 – 3 HS nêu câu hỏi trước lớp.  **B4.** **Kết luận, nhận định:**GV tổng hợp các câu hỏi và giải đáp những câu hỏi có vấn đề hoặc những câu hỏi mà nhiều HS còn gặp khó khăn, vướng mắc. GV có thể làm mẫu quy trình viết để HS hình dung kĩ năng viết một cách trực quan. | **Dự kiến sản phẩm:** Hệ thống câu hỏidự kiến của HS.  -Thời gian, địa điểm: Trong buổi lễ phát động của Ban Chấp hành Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.  - Nội dung chính của bài phát biểu: Lí do tham dự buổi lễ phát động, nguyên nhân ý nghĩa của việc tham gia phong trào phát động làm theo lời Bác, một số cách thức hoạt động làm theo lời Bác.  - Mục đích, động cơ phát biểu: Hưởng ứng nội dung của lễ phát động.  - Đối tượng (người nghe): GV, HS Phụ huynh, các nhà hảo tâm,…  - Lí do tham dự lễ phát động của em là gì?  - Vì sao phải tham gia buổi lễ phát động làm theo lời Bác? (Giới thiệu ngắn gọn về nguồn gốc và lịch sử về Tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh?)  - Việc làm đó có ý nghĩa gì? (Nêu ít nhất 2 luận điểm khẳng định tầm quan trọng ý nghĩa, tác dụng của phong trào thanh niên học tập làm theo lời Bác dạy?)  - Giải pháp thực hiện? Thanh niên cần làm những gì và làm bằng cách nào để có thể trở thành tấm gương thanh niên tiêu biểu làm theo lời Bác?  - Kêu gọi thanh niên tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo lời Bác trong năm học tiếp theo?  - Lập dàn ý cho bài viết theo bố cục 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài. |

**Nội dung 2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài (Thực hiện ở nhà).**

**a. Mục tiêu:** Biết cách tìm ý, lập dàn ý và viết bài phát động phong trào/ một hoạt động xã hội.

**b. Nội dung:** Hướng dẫn cách tìm ý, lập dàn ý và viết bài.

**c. Sản phẩm*:*** Sơ đồ tìm ý của HS, dàn ý, bài viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1.** **Giao nhiệm vụ HT:** HS vẽ sơ đồ thiết lập dàn ý bài viết cho đề bài trang 82 để chuẩn bị viết bài.  **Đề tài**  …………………………………………………  Ý nghĩa quan trọng của việc tham gia phong trào?  Lịch sử nguồn gốc / Lí do bạn tham gia phong trào?  Giải pháp thực hiện/Lời kêu gọi  **B2.** **Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện tìm ý, lập dàn ý và viết bài.  **B3.** **Báo cáo, thảo luận:**Bài viết của HS sẽ được đọc trong tiết *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm* được tổ chức trên lớp sau đó.  **B4.** **Kết luận, nhận định:**GV sẽ đánh giá sản phẩm bài viết của HS dựa vào bảng kiểm trong SGK trong tiết chia sẻ bài viết trên lớp (thực hiện sau khi cho học xem lại và chỉnh sửa rút kinh nghiệm). | **Dự kiến sản phẩm:**   * **Dự kiến sơ đồ dàn ý của HS:**   Giải pháp nào để thanh niên làm theo lời Bác  **Đề tài**  …………………………………………………  Ý nghĩa quan trọng của việc tham gia phong trào làm theo lời Bác    Lí do thanh niên phải tham gia phong trào làm theo lời Bác  Ý nghĩa thứ ba  Ý nghĩa thứ hai  Ý nghĩa thứ nhất   * **Dự kiến dàn ý chi tiết của HS:**   - Lí do tham dự lễ phát động của em là gì? Hưởng ứng phong trào phát động của Ban Chấp hành Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.  - Vì sao phải tham gia buổi lễ phát động làm theo lời Bác? Việc thanh niên tham gia phong trào làm theo lời Bác thể hiện tấm lòng yêu nước của thanh niên Việt nam.  - Việc làm đó có ý nghĩa gì? (Nêu ít nhất 2 luận điểm khẳng định tầm quan trọng ý nghĩa, tác dụng của phong trào thanh niên học tập làm theo lời Bác dạy?). Thứ nhất: Tấm gương yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh biểu hiện qua: học tập, lao động, sáng tạo, cống hiến cho dân tộc và nhân loại. Thứ hai: Việc làm theo lời Bác giúp thanh niên rèn luyện nhân cách, phẩm hạnh, đạo đức để trưởng thành một người công dân tốt. Thứ hai: Việc làm theo lời Bác giúp thanh niên dễ dàng tìm được việc làm và hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay. HS nêu những dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục để làm sáng tỏ từng luận điểm.  - Thanh niên cần làm gì và làm bằng cách nào để có thể trở thành tấm gương thanh niên tiêu biểu làm theo lời Bác? Thứ nhất: Thanh niên cần ra sức học tập. Thứ hai: Thanh niên cần ra sức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức.  - Kêu gọi thanh niên tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo lời Bác trong năm học tiếp theo? Để trở thành người thành công thanh niên cần tích cực hướng ứng phong trào và lan tỏa việc làm, hành động thanh niên làm theo lời Bác cho các thế hệ thanh niên thế hệ sau để đưa đất nước ngày càng phát triển và hội nhập. |

**Nội dung 3:** Chỉnh sửa, hoàn thiện.

**3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**

**a. Mục tiêu:** Biết cách xem lại và chỉnh sửa bài viết của bản thân và của các bạn khác trong lớp.

**b. Nội dung:**

**c. Sản phẩm:** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Giao nhiệm vụ HT:** Thực hiện theo nhóm đôi, trao đổi bài viết cho bạn cùng nhóm để đọc và góp ý cho nhau (dựa vào bảng kiểm).  **B2.****Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS đọc bài của bạn và nhận xét dựa vào bảng kiểm. Với các tiêu chí chưa đạt, HS ghi chú lí giải, phân tích nguyên nhân.  **B3. Báo cáo, thảo luận:**  – Đại diện 2 – 3 nhóm đôi HS trình bày kết quả đánh giá lẫn nhau. HS dựa vào bảng kiểm kĩ năng viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào/ một hoạt động xã hội.  – 1 – 2 HS đọc bài viết trước lớp và các HS khác nhận xét.  **B4.****Kết luận, nhận định:**  – GV tổng hợp những điểm cần lưu ý (ưu điểm, nhược điểm) về các bài viết của HS (dựa trên bảng kiểm).  – GV đánh giá và nhận xét về khâu chuẩn bị bài ở nhà của HS, từ đó đưa ra những lưu ý về năng lực tự chủ, tự học khi chuẩn bị bài viết ở nhà. | Sản phẩm chỉnh sửa hoàn thiện của học sinh. |

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

**a. Mục tiêu:** Rút ra được kinh nghiệm khi viết bài phát biểu trong lễ phát động phong trào/ hoạt động xã hội.

**b. Nội dung:** HS rút kinh nghiệm khi viết bài phát biểu trong lễ phát động phong trào/ hoạt động xã hội.

***c. Sản phẩm:*** Những kinh nghiệm rút ra của HS khi viết bài phát biểu trong lễ phát động phong trào/ hoạt động xã hội

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1.****Giao nhiệm vụ HT:** HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết mà VB nghị luận về một vấn đề xã hội.  **B2.****Thực hiện nhiệm vụ HT***:* HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân, chuẩn bị trình bày.  **B3. Báo cáo, thảo luận:** 1 *–* 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm. Các HS khác bổ sung.  **B4. Kết luận, nhận định:** GV tổng kết, nhận xét, đánh giá, kết luận về kinh nghiệm viết HS cần nắm. | HS ghi lại cụ thể những những kĩ năng cần rút ra sau khi thực hiện bài tập. |

**4. Củng cố:**

**5. Dặn bài tập về nhà:**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (Thực hiện tại nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng quy trình viết bài luận về bản thân để tạo lập VB.

**b. Nội dung:**

**c. Sản phẩm:** Bài viết đã được công bố của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Giao nhiệm vụ HT:** Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:  – Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.  – Chọn một đề tài khác để viết bài nghị luận và công bố.  **B2.****Thực hiện nhiệm vụ HT: HS** về nhà thực hiện chỉnh sửa bài viết hoặc viết bài mới, sau đó công bố bài viết. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, trên bảng thông tin trong lớp học,…  **B3.****Báo cáo, thảo luận***:* HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa, công bố đến GV và các bạn khác trong lớp.  **B4.****Kết luận, nhận định:**GV và HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố (ví dụ: Nếu bài viết trên blog cá nhân, trên trang web thì có thể thực hiện thao tác đánh giá bằng cách bình luận hoặc sử dụng các nút cảm xúc,…). | – Sản phẩm chỉnh sửa bài viết trên lớp của HS.  – Bài viết của một đề tài khác mà GV hoặc HS chọn. |

Ngày soạn:

**BÀI 8**

**HAI TAY XÂY DỰNG MỘT SƠN HÀ**

**(Tác giả Hồ Chí Minh và văn bản nghị luận) (14 tiết)**

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 10,5 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 0,5 tiết)

**DẠY NÓI VÀ NGHE**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE**

THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC  
CỦA ĐẤT NƯỚC

***Thời gian thực hiện: 1 tiết***

**Giáoviên soạn: Nguyễn Thị Thanh Hương, trường THPT Huỳnh Văn Sâm, Tiền Giang**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

– Quy trình thực hiện bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

– Cách thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

**2. Về năng lực:**

***2.1. Năng lực đặc thù***

Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

***2.2. Năng lực chung:*** Năng lực giao tiếp và hợp tác.

**3. Về phẩm chất:** Phát huy trách nhiệm của công dân trẻ đối với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

– SGK,SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU: XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ NÓI VÀ NGHE**

***a. Mục tiêu*:** Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

***b. Nội dung:*** Xác định nhiệm vụ nói và nghe

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *\* Giao nhiệm vụ HT:*HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt*, đọc lướt phần *Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức của đất nước* (SGK/ tr. 21) và trả lời các câu hỏi:  *– Ở phần Nói và nghe, nhiệm vụ HT cần thực hiện là gì?*  *– Nhiệm vụ HT ở bài này có mối quan hệ như thế nào với nhiệm vụ HT ở Bài 2 và Bài 6 mà em đã học?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Cá nhân HS đọc SGK, tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Cá nhân HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét, đánh giá.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Nhiệm vụ HT: Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức của đất nước; tiếp nối, phát triển kĩ năng nói và nghe đã học ở Bài 2, Bài 6 thông qua một đề tài nói và nghe mới với chủ đề *Tuổi trẻ với sự phát triển văn hoá đất nước*. | Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức của đất nước; tiếp nối, phát triển kĩ năng nói và nghe đã học ở Bài 2, Bài 6 thông qua một đề tài nói và nghe mới với chủ đề *Tuổi trẻ với sự phát triển văn hoá đất nước*. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI: CHUẨN BỊ NÓI**

**a**. **Mục tiêu**: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1.1. Hoạt động 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *\* Giao nhiệm vụ HT:* Nhóm 2 HS xác định các thành tố giao tiếp khi thực hiện bài nói dựa vào mẫu. (**Các thành tố thực hành giao tiếp khi thực hiện bài nói**)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS điền vào phiếu.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày phiếu. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận, nhận định về cách HS xác định đề tài, mục đích, người nghe, không gian và thời gian nói.  **1.2. Hoạt dộng 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *- HS vẽ sơ đồ dàn ý theo gợi ý* ***bảng phụ 1***  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm ý và lập dàn ý bằng sơ đồ  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày sơ đồ, các nhóm trao đổi, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện***:* GV kết luận, nhận định về cách HS tìm ý và lập dàn ý; góp ý để HS bổ sung và hoàn thiện dàn ý. | **1. Chuẩn bị nói**  ***1.1. Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói:***  **CÁC THÀNH TỐ GIAO TIẾP KHI THỰC HIỆN BÀI NÓI**  – Người nghe (Who):  – Mục đích bài nói (Why):  – Nói nội dung (What):  – Nói trong không gian (Where):  – Nói trong thời gian (When):  – Chọn cách nói (How):  ***1.2. Tìm ý và lập dàn ý***  - Bản chất của vấn đề là gì?  - Vấn đề mang lại cơ hội hay đặt ra thách thức cho đất nước hoặc có tác động trên cả hai phương diện?  - Hai phương diện đó (cơ hội và thách thức) cân được trình bày như thế nào? Những lí lē, bằng chứng nào có thể dùng để chứng minh?  - Cần làm gì để phát huy cơ hội và vượt qua thách thức mà vấn đề đặt ra?  Sau khi tìm được đầy đủ các ý, hāy sắp xếp những ý tìm được một cách hợp lí thành dàn ý của bài thuyết trình, gồm đủ các phần Mở đầu, Triển khai, Kết luận.  ***Bảng phụ 1*** |

***\* Bảng phụ 1. Hoạt động tìm ý và lập dàn ý***

HS có thể tìm ý và lập dàn ý với các đề tài được gợi ý trong SGK dựa vào sơ đồ sau:

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**Đề tài:**

………………………………………

…………..

Cơ hội trong việc phát triển văn hoá đất nước:

…………………………………………………

Thách thức trong việc phát triển văn hoá đất nước:

…………………………………………………

Kết luận và kiến nghị giải pháp:

…………………………………………

………

**1. Hoạt động trình bày bài nói**

***a. Mục tiêu:*** Thực hiện được nhiệm vụ nói và nghe.

***b. Nội dung:*** Trình bày bài nói

***c. Sản phẩm:*** Các sản phẩm chuẩn bị nói; bài nói và phần phản hồi với người nghe.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhóm HS thực hiện ở nhà một sản phẩm clip thuyết trình dựa trên dàn ý đã lập và dựa vào các tiêu chí trong **Bảng phụ 2**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Nhóm HS thực hiện sản phẩm clip theo thang tiêu chí đã thống nhất và công bố trên web HT của lớp.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Sản phẩm clip được công bố trên web HT của lớp, các HS khác vào xem, nhận xét đánh giá dựa trên thang tiêu chí đã công bố.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận, nhận định về kĩ năng thuyết trình và kĩ năng thực hiện video clip dựa trên thang tiêu chí đã công bố. | **2. Trình bày bài nói**  ***- Mở đầu***: Nêu vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước. Việc giới thiệu vấn đề để thuyết trình có thể thực hiện bằng nhiều cách: kể một câu chuyện nhỏ, tóm lược một bản tin thời sự, đưa ra một kết quả nghiên cứu kèm theo số liệu thống kê, đưa ra một bức tranh hoặc bức ảnh có tính chất gợi dẫn về vấn đề,..  ***- Triển khai:***  + Nêu khái quát bản chất của vấn để và nhận xét chung về ý nghĩa của vấn để đổi với đất nước.  + Phân tích cả tác động tích cực và tiêu cực của vấn để. Tùy thuộc vào từng vấn đề cụ thể mà các ý nói về tác động tích cực hay tiêu cực được nhấn mạnh hơn. Trên thực tế, ít có vấn đề chỉ mang lại cơ hội hoặc chi đặt ra thách thức: trong cơ hội có thách thức, trong thách thức có cơ hội.  + Dùng ngôn ngữ và các phương tiện hỗ trợ giúp người nghe năm được một cách chính xác, chi tiết, đầy đủ về vấn đề.  ***- Kết luận***: Nêu ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề. |

***Bảng phụ 2***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá sản phẩm clip thuyết trình** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Nội dung clip | Chọn được đề tài thuyết trình đúng với yêu cầu |  |  |
| Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng phù hợp để làm sáng tỏ ý kiến của bản thân |  |  |
| Có cách mở đầu và kết thúc lôi cuốn, hấp dẫn |  |  |
| Sử dụng kết hợp các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ hiệu quả |  |  |
| Người thuyết trình | Ít nhất hai thành viên luân phiên thuyết trình |  |  |
| Thuyết trình trên cách hiểu của bản thân, không phụ thuộc vào giấy |  |  |
| Phong thái thuyết trình tự tin, lôi cuốn, hấp dẫn |  |  |
| Chất lượng clip | Độ phân giải clip ở chất lượng HD |  |  |
| Âm thanh clip rõ ràng, âm lượng hợp lí |  |  |
| Sử dụng các hiệu ứng một cách hợp lí để làm tăng sức hấp dẫn cho clip |  |  |
| Thời lượng clip tối đa 10 phút |  |  |

**2. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Tự đánh giá và đánh giá được bài nói của bạn với tư cách người nói và người nghe; rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong vai trò người nói.

***b. Nội dung:*** Những kinh nghiệm trình bày hoạt động nói và nghe

***c. Sản phẩm:*** Lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS ghi lại những kinh nghiệm rút ra sau khi thực hiện hoạt động nói và nghe dựa vào các gợi ý sau:  *– Ba điều nhóm em đã làm tốt khi thực hiện clip thuyết trình.*  *– Hai điều nhóm làm chưa tốt trong quá trình thực hiện clip thuyết trình.*  *– Một kinh nghiệm em rút ra được khi phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS ghi lại những kinh nghiệm, chuẩn bị trình bày trước lớp.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày kinh nghiệm. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, kết luận về những kinh nghiệm HS cần nắm khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức của đất nước. | **3. Trao đổi đánh giá, rút kinh nghiệm:**  - *Ba điều nhóm em đã làm tốt khi thực hiện clip thuyết trình.*  *- Hai điều nhóm làm chưa tốt trong quá trình thực hiện clip thuyết trình.*  *- Một kinh nghiệm em rút ra được khi phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược.* |

**D. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN PHẦN *ÔN TẬP***

***a. Mục tiêu:*** Biết cách thực hiện phần *Ôn tập* tại nhà.

***b. Nội dung:*** Ôn tập bài 8

***c. Sản phẩm:*** Phần ghi chú của HS về cách thực hiện phần *Ôn tập* tại nhà.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ HT:*

(1) Cá nhân HS trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5 phần *Ôn tập* (SGK/ tr. 84).

(2) Câu 5: HS thực hiện một infographic dựa trên câu hỏi gợi ý sau: *Theo bạn, những sáng tác của chủ tịch Hồ Chí Minh giúp ta hiểu thêm điều gì về vẻ đẹp đất nước và con người Việt Nam?*

*\* Thực hiện nhiệm vụ HT:* HS thực hiện nhiệm vụ HT.

*\* Báo cáo, thảo luận*: HS sẽ trình bày sản phẩm trong tiết *Ôn tập* tại lớp.

*\* Kết luận, nhận định:*GV sẽ nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS trong tiết *Ôn tập*.

**TÊN BÀI DẠY:**

**BÀI 8. HAI TAY XÂY DỰNG MỘT SƠN HÀ**

**(Tác giả Hồ Chí Minh và văn bản nghị luận)**

**Tiết 90 ÔN TẬP**

(Thực hiện: 1 tiết)

***Giáo viên soạn: Nguyễn Thị Quỳnh Trang, trường THPT Nguyễn Huệ, thị xã Lagi, Bình Thuận.***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

– Kiến thức về tác giả Hồ Chí Minh: vài nét về tiểu sử, quan điểm sáng tác văn học, di sản văn học, phong cách nghệ thuật.

– Cách vận dụng kiến thức về tác giả Hồ Chí Minh vào đọc các tác phẩm của Người.

– Kiến thức về thao tác nghị luận, ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận.

– Cách vận dụng kiến thức về thao tác nghị luận, ngôn ngữ biểu cảm để đọc VB

**2. Về năng lực:**

– Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người.

– Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong một VB nghị luận; chỉ ra mối liên hệ của chúng.

– Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận trong VB để đạt được mục đích.

– Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong VB nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này; nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong VB nghị luận.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện qua việc thảo luận nhóm.

– Năng lực tự chủ và tự học thể hiện qua việc thực hiện các nhiệm vụ HT được giao, phân

**3. Về phẩm chất:**

Biết trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; phát huy trách nhiệm của công dân trẻ với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

– SGK, SGV.

– Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm và mẫu PHT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**:

**1. KHỞI ĐỘNG:**

**a. Mục tiêu:** Nhận ra chủ điểm bài học và bước đầu nêu suy nghĩ về chủ điểm bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về các văn bản đã học ở Bài 8.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV cho HS xem một đoạn video về những tác phẩm kiệt tác của Hồ Chí Minh và kể tên các tác phẩm có trong video: [**https://www.youtube.com/watch?v=oe53uzd4HSE**](https://www.youtube.com/watch?v=oe53uzd4HSE)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS lắng nghe, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận và hoạt động**

GV mời 1 - 2 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

### GV tổng kết các ý kiến của HS, dẫn dắt vào bài học

**2. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Ghi nhớ và vận dụng những kiến thức đã học trong *Bài 8.*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần Ôn tập của *Bài 8.*

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS về *Bài 8.*

**d. Tổ thức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  – GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được học.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: Hoạt động trình bày kết quả phần *Từ đọc đến viết***  Trình bày kết quả thực hiện bài tập *Từ đọc đến viết*.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Nhóm 2 HS trao đổi bài tập *Từ đọc đến viết* với bạn cùng nhóm. - HS xem lại phần bài tập đã thực hiện, chỉnh sửa, bổ sung (nếu có), sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm đôi để nhận xét, góp ý. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - HS trình bày bài tập. Các HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, kết luận về kết quả thực hiện bài tập của HS. | **Câu 1:** Cần lưu ý đến quan niệm sáng tác, các đặc điểm phong cách (đặc điểm chung, đặc điểm ứng với từng thể loại) và tìm các đặc điểm sáng tác này trong tác phẩm để phân tích, đánh giá, lí giải ý nghĩa.  **Câu 2:** HS tự trả lời dựa trên cảm nhận của bản thân về tình yêu nước, ý chí và khát vọng của dân tộc ta. Lưu ý về cách đọc hiểu một VB nghị luận:  – Xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, phân tích mối liên hệ và sự đặc sắc của các yếu tố này.  – Phân tích sự kết hợp các thao tác nghị luận trong việc thực hiện mục đích VB.  – Phân tích việc sử dụng ngôn ngữ biểu cảm, cách lập luận trong việc biểu đạt.   **Câu 3:** HS tự làm dựa trên kết quả đọc hiểu các VB trong chủ điểm.  **Câu 4:** Khi viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào/ hoạt động xã hội, cần lưu ý:  – Tính trang trọng của kiểu bài để chọn tâm thế viết, ngôn ngữ viết phù hợp.  – Đảm bảo yêu cầu của kiểu bài về nội dung, hình thức, bố cục.  – Kết hợp hiệu quả yếu tố thuyết minh, biểu cảm.  Khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức với đất nước, cần lưu ý xác định các thành tố giao tiếp liên quan đến bài nói, kĩ thuật thuyết trình hấp dẫn, hiệu quả, đảm bảo đúng yêu cầu của đề tài,… |

**Câu 5:** Nhận xét về infographic của HS dựa trên bảng kiểm sau:

**Bảng kiểm nội dung và hình thức của infographic**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Nội dung | Thể hiện được vẻ đẹp của đất nước thông qua một tác phẩm của Hồ Chí Minh |  |  |
| Bố cục infographic làm nổi bật những thông tin quan trọng |  |  |
| Thông tin được trình bày chính xác, dễ hiểu |  |  |
| Thông tin được trình bày bằng các từ khoá |  |  |
| Hình thức | Có sự phối hợp hài hoà giữa kênh chữ và kênh hình (hình ảnh, biểu đồ,...) |  |  |
| Hình ảnh, biểu đồ truyền tải thông tin một cách hiệu quả |  |  |
| Kiểu chữ dễ đọc, dễ nhìn |  |  |
| Kích thước chữ phù hợp với kích thước của infographic |  |  |
| Có sự phối hợp hài hoà giữa các màu sắc, hình khối |  |  |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về *Bài 8.*đã học.

**b. Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

**c. Sản phẩm học tập:** Những kiến thức HS đã học được trong *Bài 8* và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở *Bài 8*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở Bài 8.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 - 3 HS trình bày trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chốt.